VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ
THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN XÔ
BIÊN SOẠN

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ
TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ
THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
BIÊN SOẠN

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ
TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

CÙNG BẠN ĐỌC

Tập sách này gồm 3 chương XXIII, XXIV, XXV, trong phần thứ ba «Sách giáo khoa chính trị kinh tế học», do Viện nghiên cứu kinh tế thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên-xô soạn. Ba chương này nói về **«Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội».**

Chúng tôi tái bản thành một tập riêng với mục đích cung cấp kịp thời tài liệu học tập cho những bạn đang cần nghiên cứu về thời kỳ quá độ.

SỰ THẬT — 1957

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CÁCH MẠNG VÔ SẢN VÀ TÍNH TẤT YẾU CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Toàn bộ quá trình phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư sản tất nhiên đưa đến kết quả là chủ nghĩa xã hội dùng phương pháp cách mạng để thay thế chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản sinh ra đại công nghiệp cơ khí là tiền đề vật chất của bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản chuẩn bị một lực lượng xã hội để thực hiện bước quá độ ấy, tức là giai cấp vô sản. Như trên kia đã nói rõ, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, sự xung đột giữa lực lượng sản xuất lớn lên và quan hệ sản xuất tư sản trở

thành xiềng xích đối với lực lượng sản xuất, đã đạt đến trình độ gay gắt chưa từng thấy. Quy luật quan hệ sản xuất và tính chất lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp đòi hỏi phải tiêu diệt quan hệ sản xuất cũ tư sản và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Do đó *cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản thành ra tất yếu khách quan.*

Vì cơ sở xã hội tư sản và cơ sở xã hội xã hội chủ nghĩa đối lập nhau, vì lợi ích của lao động và lợi ích của tư bản đối kháng nhau, cho nên chủ trương của bọn cải lương chủ nghĩa «nhập» một cách hòa bình chủ nghĩa tư bản vào chủ nghĩa xã hội là điều không thể được. Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội chỉ có thông qua cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản mới có thể thực hiện được. Do địa vị kinh tế của mình, giai cấp vô sản là giai cấp duy nhất có thể đoàn kết quanh mình hết thảy những người lao động để lật đổ chủ nghĩa tư bản và giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng vô sản khác tất cả các cuộc cách mạng trước nó về nguyên tắc. Từ chế độ chiếm hữu nô lệ bước sang chế độ phong kiến, từ chế độ phong kiến bước sang chế độ tư bản, đều là thay một hình thức chế độ tư hữu này bằng một hình thức chế độ tư hữu khác, thay chính quyền của một số người bóc lột này bằng chính quyền của một số người bóc lột khác. Do tất cả các hình thái xã hội của bọn bóc lột đều có cơ sở giống nhau, tức chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, cho

nên hình thái kinh tế mới đã phát triển dần trong nội bộ của phương thức sản xuất cũ. Thí dụ, trong bước quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, quan hệ sản xuất mới tư sản phát triển dần, những hình thức ít nhiều đã hoàn thành của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã lớn lên trong lòng chế độ phong kiến. Nhiệm vụ của cách mạng tư sản là giai cấp tư sản cướp chính quyền, khiến chính quyền đó thích hợp với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện có, tiêu diệt xiềng xích của xã hội phong kiến cũ kìm hãm sự phát triển của chế độ tư bản. Cách mạng tư sản thường kết thúc khi đã giải quyết xong nhiệm vụ ấy.

Mục đích của cách mạng vô sản là đem chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thay thế cho chế độ tư hữu, tiêu diệt hết thảy mọi hiện tượng người bóc lột người. Cách mạng vô sản không thấy sẵn có những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành nào cả. Chế độ xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất không thể sinh ra và lớn lên trong lòng xã hội tư sản dựa trên cơ sở chế độ tư hữu. Nhiệm vụ của cách mạng vô sản là thiết lập chính quyền vô sản và xây dựng nền kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân giành được chính quyền chỉ là bước đầu của cách mạng vô sản, sau đó chính quyền được dùng để cải tạo kinh tế cũ và tổ chức kinh tế mới.

Do đó, việc chế độ xã hội chủ nghĩa thay thế chế độ tư bản đòi hỏi mỗi nước phải có một *thời kỳ quá độ* đặc biệt bao gồm cả một thời đại lịch

sử, trong đó tiến hành việc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, việc cải tạo căn bản toàn bộ quan hệ xã hội.

> «Giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản có một thời kỳ chuyển biến cách mạng, từ xã hội trước đến xã hội sau. Thích hợp với thời kỳ đó là một thời kỳ quá độ chính trị và Nhà nước của thời kỳ đó không có thể là cái gì khác ngoài *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*» (1).

Thời kỳ quá đô từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội bắt đầu khi thiết lập chính quyền vô sản và hoàn thành khi đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội, giai đoạn thứ nhất của xã hội cộng sản. Trong thời kỳ quá độ, cơ sở cũ tư bản chủ nghĩa bị tiêu diệt và cơ sở mới xã hội chủ nghĩa được xây dựng lên, cơ sở mới này đảm bảo sự phát triển của lực lượng sản xuất, cần thiết cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, giai cấp vô sản phải rèn luyện mình thành một lực lượng có thể quản lý nước nhà, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cải tạo quần chúng tiểu tư sản theo tinh thần xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin dựa vào nguyên lý của Mác và Ăng-ghen, đã sáng lập ra học thuyết về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và về chuyên chính vô sản, đem trí thức khoa học về phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà vũ trang cho giai cấp công nhân, cho mọi người lao động.

---

(1) Mác: «Phê phán cương lĩnh Gô-ta».

Cách mạng vô sản trước tiên thắng lợi ở nước Nga. Ở nước Nga, chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến mức độ đủ làm cho cách mạng vô sản giành được thắng lợi. Đồng thời nước Nga là nơi tập hợp mọi mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, điều đó đẩy rất nhanh quá trình cách mạng hóa giai cấp vô sản và quá trình đoàn kết quần chúng nông dân chung quanh giai cấp vô sản. Tháng 10 năm 1917, được Đảng Cộng sản lãnh đạo và được vũ trang bằng lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa của Lê-nin, giai cấp vô sản Nga liên minh với nông dân nghèo, đã lật đổ chính quyền của tư bản và địa chủ lớn, và lập lên nền chuyên chính của mình. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, đã mở ra con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, đã nêu gương cho mọi người thấy cách mạng vô sản của bất cứ nước nào về cơ bản phải như thế nào. Đồng thời, cần phải thấy rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa của mỗi nước đã tách khỏi hệ thống đế quốc chủ nghĩa tất nhiên có những đặc điểm của nó, những đặc điểm đó là do điều kiện lịch sử cụ thể trong sự phát triển của nước đó và do hoàn cảnh quốc tế sinh ra.

Lê-nin đã phát hiện và chứng minh một cách khoa học rằng những nước lạc hậu về mặt kinh tế và xã hội, trong những điều kiện lịch sử nhất định, có thể đi theo *con đường* phát triển *không phải tư bản chủ nghĩa*. Sau khi thoát khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, các nước ấy dựa vào sự giúp đỡ của các nước tiên tiến mà cách mạng vô sản đã giành được thắng lợi, có thể tránh khỏi quá trình

phát triển tư bản chủ nghĩa chậm chạp và đau khổ, không cần qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, bước dần lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thí dụ, một trong những gương phát triển không theo con đường tư bản chủ nghĩa là nước Cộng hòa nhân dân Mông-cổ, nơi mà trước kia quan hệ phong kiến chiếm địa vị thống trị. Nhờ có Liên-xô giúp đỡ, nước Cộng hòa nhân dân Mông-cổ đã có khả năng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa mà không qua chủ nghĩa tư bản.

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN LÀ CÔNG CỤ ĐỂ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Vì nhiệm vụ của cách mạng vô sản là xây dựng một hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và tiêu diệt hết thảy mọi sự bóc lột, cho nên nó không thể không đập tan bộ máy Nhà nước cũ áp chế quần chúng lao động, không thể không thành lập một Nhà nước có thể đảm bảo việc kiến thiết kinh tế mới.

Cách mạng vô sản đẻ ra một *Nhà nước kiểu mới* chuyên chính vô sản. *Chuyên chính vô sản* là sự lãnh đạo bằng chính quyền của giai cấp công nhân đối với xã hội. Không có chuyên chính vô sản thì không thể có sự giải phóng kinh tế và chính trị của người lao động, không thể chuyển từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức xã hội chủ nghĩa.

Chuyên chính vô sản là thượng tầng kiến trúc chính trị sinh ra do nhu cầu kinh tế của xã hội đòi hỏi phải chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Nhưng sau khi đã sinh ra thì bản thân chuyên chính vô sản trở thành một lực lượng vô cùng lớn lao, một công cụ để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nó tích cực thúc đẩy cơ sở xã hội chủ nghĩa thành hình và phát triển. Nó đảm bảo tiêu diệt cơ sở tư bản chủ nghĩa cũ và đảm bảo cho những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa chiến thắng những hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa không thể tự nó sinh ra và phát triển một cách tự phát. Nó sinh ra và phát triển là do hoạt động có kế hoạch của Nhà nước vô sản, là do tinh thần tích cực sáng tạo của quần chúng lao động.

Chỉ có dựa vào quy luật kinh tế khách quan là quan hệ sản xuất và tính chất lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp, dựa vào quy luật kinh tế mới, sinh ra trên cơ sở điều kiện kinh tế mới, Nhà nước vô sản mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ xây dựng cơ sở mới. Chuyên chính vô sản đảm bảo việc sáng lập ra một kiểu tổ chức xã hội về lao động, cao hơn chủ nghĩa tư bản. Đó là nguồn gốc chủ yếu tạo ra lực lượng của chế độ xã hội chủ nghĩa và là nguyên nhân thắng lợi của nó đối với chế độ tư bản chủ nghĩa.

Chuyên chính vô sản là nền dân chủ chân chính, nó đại biểu cho lợi ích thiết thân của những người lao động. Trong điều kiện chuyên chính vô

sản, lần đầu tiên trong lịch sử, người lao động trở nên chủ nhân đất nước của mình. Từ trước đến nay, Nhà nước dưới mọi hình thức của nó đều đàn áp đại đa số người bị bóc lột để mưu lợi ích cho một thiểu số người bóc lột. Nền chuyên chính vô sản đàn áp thiểu số người bóc lột để mưu lợi ích cho đại đa số người lao động. Các cuộc cách mạng tư sản xác định hình thức bóc lột mới là hình thức tư bản chủ nghĩa, nên không thể tập hợp trong một thời kỳ tương đối dài quần chúng lao động bị bóc lột chung quanh giai cấp tư sản, còn cách mạng vô sản tiêu diệt mọi sự bóc lột thì có thể và phải làm cho quần chúng lao động kết thành liên minh lâu dài với giai cấp vô sản. Liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm mục đích chống lại các giai cấp bóc lột là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản. Không có liên minh đó thì không thể củng cố chính quyền vô sản, không thể xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Chuyên chính vô sản là tiếp tục trong điều kiện mới và dưới hình thức mới, cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống lại bọn bóc lột trong nước, chống lại thế lực xâm lược của vòng vây tư bản chủ nghĩa.

> « Chuyên chính vô sản là cuộc đấu tranh quyết liệt, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, quân sự và kinh tế, giáo dục và hành chính chống lại thế lực và truyền thống của xã hội cũ » (1).

---

(1) Lê-nin : « Bệnh ấu trĩ 'tả khuynh' trong phong trào cộng sản ».

Thích ứng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuyên chính vô sản có ba mặt chủ yếu. Chuyên chính vô sản có nghĩa là giai cấp vô sản dùng chính quyền để: thứ nhất, trấn áp bọn bóc lột, bảo vệ nước nhà, tăng cường liên hệ với những người vô sản các nước khác; thứ hai, cắt đứt liên hệ giữa quần chúng lao động bị bóc lột và giai cấp tư sản, củng cố liên minh của giai cấp vô sản với quần chúng đó, thu hút quần chúng đó tham gia sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; thứ ba, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước vô sản có thể có nhiều hình thức khác nhau.

> «Từ chủ nghĩa tư bản bước sang chủ nghĩa cộng sản đương nhiên không thể không sinh ra rất nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng bản chất tất nhiên là một, đó là *chuyên chính vô sản*» (1).

Nguyên lý cơ bản ấy của chủ nghĩa Mác — Lê-nin không những đã được hoàn toàn chứng thực bằng kinh nghiệm lịch sử của Liên-xô lập lên chính quyền Xô viết — hình thức chuyên chính vô sản do Lê-nin tìm ra —, mà về sau còn được hoàn toàn chứng thực bằng kinh nghiệm lịch sử của các nước thực hiện chuyên chính vô sản với hình thức dân chủ nhân dân.

Tại các nước chuyên chính vô sản, các Đảng Cộng sản (công nhân) lãnh đạo toàn bộ quá trình kiến thiết kinh tế xã hội chủ nghĩa một cách có kế hoạch. Các Đảng ấy, vũ trang bằng lý luận Mác —

---

(1) Lê-nin: «Nhà nước và cách mạng».

Lê-nin và bằng sự hiểu biết về quy luật phát triển kinh tế của xã hội, đương tổ chức quần chúng nhân dân và chỉ đạo họ giải quyết những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

QUỐC HỮU HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để công hữu hóa theo chủ nghĩa xã hội nền đại công nghiệp cơ khí, ngành vận tải cơ giới hóa, ngân hàng v.v... Cho nên, khi bắt đầu thời kỳ quá độ, Nhà nước vô sản đã quốc hữu hóa nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

Quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa là chính quyền vô sản dùng phương pháp cách mạng tước đoạt tài sản của giai cấp bóc lột, và biến nó thành tài sản xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, tài sản của toàn dân. Quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa xóa bỏ mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản — mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Nhờ quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa mà trong công nghiệp, quan hệ sản xuất thích hợp với tính chất của lực lượng sản xuất ; điều đó mở rộng đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa, thứ nhất là xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu và do đó xóa bỏ sự thống trị kinh tế của giai cấp tư sản ở trong nước ; thứ hai là đặt cơ sở kinh tế cho chuyên chính vô sản bằng cách chuyển các *mạch máu kinh tế quốc dân* tức các

ngành kinh tế chủ đạo vào tay những người lao động. Trong các ngành đó lập lên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất làm cơ sở cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Việc quốc hữu hóa đại công nghiệp, ngành chủ đạo trong kinh tế quốc dân, có ý nghĩa quyết định đối với kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra còn quốc hữu hóa ngân hàng, ngành vận tải đường sắt, thương thuyền, bưu điện và các đại xí nghiệp thương nghiệp trong nước, cùng mậu dịch đối ngoại. Do quốc hữu hóa ngân hàng, giai cấp tư sản mất một trong những công cụ chủ yếu để thống trị về kinh tế, còn Nhà nước vô sản thì giành được một bộ máy kinh tế vừa tập trung vừa có nhiều chi nhánh, bộ máy đó, sau khi được cách mạng cải tạo, sẽ dùng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quốc hữu hóa mậu dịch đối ngoại là điều kiện tất yếu để đảm bảo cho nước đương xây dựng chủ nghĩa xã hội được độc lập tự chủ về kinh tế, mà không bị lệ thuộc vào thế giới tư bản chủ nghĩa.

Vì cần tiêu diệt gấp tàn tích của chế độ nông nô, tiêu diệt tàn tích của chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất đã quá thời, Nhà nước vô sản lập tức *tịch thu* ruộng đất của bọn địa chủ lớn cùng đồn điền của chúng, kể cả súc vật cày và nông cụ. Hầu hết ruộng đất tịch thu đem cấp cho nông dân lao động, còn một phần nhỏ thì dùng để tổ chức xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh lớn.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa là *quốc hữu hóa ruộng đất*, tức là tiêu diệt chế độ tư hữu ruộng

đất và đem ruộng đất quy thành sở hữu của Nhà nước vô sản. Vấn đề tiến hành quốc hữu hóa *toàn bộ* ruộng đất phải do chính quyền vô sản căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi nước mà giải quyết. Ở nước Nga, vì truyền thống của chế độ tư hữu ruộng đất trong nông dân không sâu như ở Tây Âu, chính quyền xô viết căn cứ vào yêu cầu của quần chúng nông dân, đã quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất ngay khi cách mạng bắt đầu. Do đó địa tô tuyệt đối không còn nữa. Lần đầu tiên trong lịch sử nông dân Liên-xô được cách mạng vô sản giao cho ruộng đất để sử dụng, không phải trả tiền. Ở những nước mà chế độ tư hữu ruộng đất của tiểu nông đã có từ lâu, do đó mà trong nông dân truyền thống của chế độ tư hữu ruộng đất sâu hơn, giai cấp công nhân sau khi nắm chính quyền không quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất vào lúc cách mạng bắt đầu. Ở các nước đó, chỉ một phần trong số ruộng đất tịch thu được của bọn địa chủ lớn là quốc hữu hóa, và trở nên ruộng đất của Nhà nước; phần lớn thì thuộc quyền tư hữu của nông dân. Vấn đề quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất thực tế được giải quyết trong quá trình cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại sau khi đã đập tan bộ máy Nhà nước của giai cấp tư sản, trong mấy tháng đầu, đã quốc hữu hóa và tịch thu không bồi thường tư liệu sản xuất cùng các của cải khác của bọn địa chủ lớn và bọn tư bản lớn.

Ngày 26 tháng 10 (ngày 8 tháng 11) năm 1917 ban bố *sắc lệnh ruộng đất*. Tịch thu không bồi thường ruộng đất của địa chủ lớn, tư sản, hoàng phái, giáo đường và tu viện. Vĩnh viễn xóa bỏ quyền tư hữu ruộng đất. Hết thảy ruộng đất, hầm mỏ, rừng rú, sông ngòi đều thành ra tài sản của Nhà nước (tài sản của toàn dân). Cấm mua bán ruộng đất. Ngoài số ruộng đất mà họ đã sử dụng trước cách mạng, nông dân còn được hơn 150 triệu mẫu Nga (1) ruộng đất để sử dụng không phải trả tiền, họ lại không phải nộp địa tô cho địa chủ lớn và chi tiêu về mua ruộng đất, hai món đó tính cộng lại mỗi năm lên tới hơn 700 triệu đồng rúp vàng. Quốc hữu hóa ruộng đất là căn bản tiêu diệt giai cấp địa chủ. Nó có nghĩa là trừ tận gốc tàn tích chế độ nông nô. Thế là cách mạng xã hội chủ nghĩa đã nhân tiện giải quyết một cách triệt để nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản. Bản thân quốc hữu hóa ruộng đất chưa phải là dựng lên quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, vì tuy ruộng đất đã thành tài sản của toàn dân nhưng vẫn do tư nhân kinh doanh. Nhưng đối với việc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, quốc hữu hóa ruộng đất có một ý nghĩa lớn lao. Quốc hữu hóa ruộng đất củng cố cơ sở kinh tế của chuyên chính vô sản, và cải thiện hoàn cảnh kinh tế của nông dân lao động. Về sau, nó làm cho nông dân dễ tiến lên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp quá độ tới quốc hữu hóa rộng rãi các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa là chính quyền xô viết thực hành chế độ *kiểm soát của công nhân*, tức là sự kiểm soát của toàn thể những người làm việc trong các xí nghiệp đó đối với các mặt sản xuất, mua bán và tài vụ, đó cũng là để thực hành điều chỉnh nhất định đối với sự hoạt động của các xí nghiệp đó. Tháng 12 năm 1917 đã *quốc hữu hóa ngân hàng*. Chính quyền xô viết xóa hết thảy các món nợ mà chính phủ Sa hoàng và chính phủ lâm thời vay của tư bản ngoài nước và trong nước. Tuyên bố mậu dịch đối ngoại do Nhà nước độc quyền, việc nhập khẩu

---

(1) 1 mẫu Nga = 1,0925 éc-ta (*N.D.*)

và xuất khẩu hàng hóa từ tay tư nhân chuyển sang cơ quan Nhà nước nắm. *Chế độ độc quyền mậu dịch đối ngoại* mà chính quyền xô viết thực hiện là một bức thành vững chắc bảo vệ nước nhà khỏi sự xâm lược kinh tế của bọn đế quốc ra sức nô dịch nó, biến nó thành thuộc địa của chúng. *Đường sắt* và *bưu điện, thương thuyền* của vận tải đường bể và vận tải lớn bằng đường sông đều quốc hữu hóa. Chính quyền xô viết ngày càng dùng rộng rãi biện pháp tịch thu không bồi thường để thực hành *quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp*. Tháng 6 năm 1918 quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn của mọi ngành công nghiệp.

Quốc hữu hóa công nghiệp lớn, ngân hàng, ngành vận tải, mậu dịch đối ngoại có nghĩa là chính quyền xô viết đã phá tan lực lượng kinh tế của giai cấp tư sản, và nắm lấy các mạch máu kinh tế quốc dân.

Trong xí nghiệp quốc hữu hóa, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bị quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thay thế. Tư liệu sản xuất thành tài sản công cộng, không còn là tư bản nữa. Hiện tượng người bóc lột người bị tiêu diệt. Kỷ luật lao động mới xã hội chủ nghĩa được thi hành. Cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa được phát động giữa công nhân với nhau. Dần dần lập lên nguyên tắc quản lý sản xuất xã hội chủ nghĩa kết hợp chế độ trưởng xưởng với tính tích cực sáng tạo của quần chúng lao động.

Trong khi chiến thắng sự phản kháng của giai cấp tư sản, sự phá hoại ngầm của các chuyên gia tư sản, trong cuộc đấu tranh quyết liệt với yếu tố tiểu tư sản, chính quyền xô viết bắt đầu tổ chức việc thống kê và kiểm soát trong phạm vi toàn quốc đối với toàn bộ sản xuất và phân phối sản phẩm.

THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ. LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Do quốc hữu hóa đại công nghiệp, ngành vận tải, ngân hàng,v v... nên thành phần (khu vực) kinh tế xã hội chủ nghĩa xuất hiện. Ngoài thành phần xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, trong thời kỳ quá độ còn có những hình thức kinh tế trước kia để lại và dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Nghĩa là, kinh tế của thời kỳ quá độ là kinh tế có nhiều thành phần. Trong nền kinh tế ấy có nhiều kiểu quan hệ sản xuất khác nhau.

Như Lê-nin đã nói, trong thời kỳ quá độ, Liên-xô có 5 thành phần kinh tế sau đây: 1) kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, 2) tiểu sản xuất hàng hóa, 3) chủ nghĩa tư bản tư nhân, 4) chủ nghĩa tư bản Nhà nước, 5) thành phần xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế nông dân kiểu gia trưởng dựa trên cơ sở lao động cá nhân là kinh tế nhỏ nhặt, hầu như hoàn toàn tự nhiên, nghĩa là hầu hết sản phẩm sản xuất ra là để cung cấp cho sự tiêu dùng của mình.

Tiểu sản xuất hàng hóa là kinh tế dựa trên cơ sở lao động cá nhân và có ít nhiều liên hệ với thị trường; chủ yếu là kinh tế trung nông sản xuất ra phần lớn lương thực hàng hóa, và kinh tế thủ công không dùng lao động làm thuê. Trong thời gian khá dài của thời kỳ quá độ, thành phần tiểu

sản xuất hàng hóa bao gồm phần lớn nhân dân toàn quốc.

Đại biểu cho *chủ nghĩa tư bản tư nhân* là giai cấp bóc lột đông nhất tức phú nông, là những người có xí nghiệp công nghiệp không quốc hữu hóa, chủ yếu là các xí nghiệp công nghiệp tư bản chủ nghĩa vừa và nhỏ, cùng với thương nhân. Trong xí nghiệp tư bản chủ nghĩa dùng lao động làm thuê, sức lao động vẫn còn là hàng hóa, quan hệ bóc lột vẫn còn và giá trị thặng dư vẫn bị nhà tư bản chiếm.

Chủ nghĩa tư bản Nhà nước tồn tại chủ yếu dưới hình thức các xí nghiệp tô nhượng mà chính quyền xô viết cho tư bản ngoại quốc thuê và một số xí nghiệp của Nhà nước cho các nhà tư bản thuê. Chủ nghĩa tư bản Nhà nước dưới chuyên chính vô sản căn bản không giống chủ nghĩa tư bản Nhà nước dưới chế độ tư sản. Dưới chuyên chính vô sản, chủ nghĩa tư bản Nhà nước là một hình thức kinh tế chịu sự hạn chế chặt chẽ của chính quyền vô sản và được chính quyền vô sản dùng để đấu tranh với yếu tố tiểu tư sản, dùng để kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Trong kinh tế của Liên-xô, chủ nghĩa tư bản Nhà nước chiếm một địa vị rất nhỏ.

Thành phần xã hội chủ nghĩa bao gồm trước hết là công xưởng, nhà máy, phương tiện vận tải, ngân hàng, nông trường quốc doanh, xí nghiệp thương nghiệp và các xí nghiệp khác trong tay Nhà nước xô viết, thứ đến các hợp tác xã (hợp tác xã tiêu dùng, hợp tác xã cung cấp, hợp tác xã tín

dụng, hợp tác xã sản xuất, kể cả nông trang tập thể là hình thức cao của hợp tác xã sản xuất). Cơ sở của thành phần xã hội chủ nghĩa là đại công nghiệp cơ khí. Ngay khi thời kỳ quá độ bắt đầu, thành phần xã hội chủ nghĩa là loại kinh tế cao hơn mọi thành phần khác — đã có tác dụng lãnh đạo trong kinh tế nước nhà.

Trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, sức lao động không còn là hàng hóa, lao động đã mất tính chất lao động làm thuê, đã biến thành lao động cho mình, cho xã hội. Giá trị thặng dư không còn nữa. Công việc của xí nghiệp quốc hữu hóa, trong phạm vi mỗi ngành công nghiệp và về sau trong phạm vi toàn bộ kinh tế quốc doanh, dần dần đi tới kế hoạch hóa. Do lập ra chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh sản xuất ra không còn thuộc về sở hữu của nhà tư bản, mà thuộc về sở hữu của Nhà nước, tức của toàn thể nhân dân lao động.

Sự tồn tại đồng thời của năm thành phần kinh tế ấy đối với mỗi nước kiến thiết chủ nghĩa xã hội mà nói, không phải là không thể tránh được. Như Lê-nin đã dạy, cũng như kinh nghiệm lịch sử hiện nay đã chứng thực, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, mỗi nước đều có mấy hình thức kinh tế xã hội cơ bản sau đây: chủ nghĩa xã hội, tiểu sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa tư bản. Những giai cấp thích ứng với các hình thức kinh tế xã hội ấy là: giai cấp công nhân, giai cấp tiểu tư sản (nhất là nông dân), giai cấp

tư sản. Kinh tế, quan hệ giai cấp và do đó, những nguyên tắc chung của chính sách kinh tế, trong thời kỳ quá độ, trong tất cả các nước, đều có những nét chủ yếu giống nhau, nhưng đồng thời trong mỗi nước vẫn có những đặc điểm riêng.

Địa vị của các giai cấp trong thời kỳ quá độ, so với địa vị của họ ở dưới chế độ tư bản, căn bản đã thay đổi.

Giai cấp công nhân từ giai cấp bị áp bức dưới chế độ tư bản, biến thành giai cấp thống trị, nắm chính quyền, cùng với toàn thể những người lao động sở hữu các tư liệu sản xuất đã quốc hữu hóa. Đời sống vật chất của giai cấp công nhân không ngừng cải thiện, trình độ văn hóa của họ không ngừng nâng cao.

Nông dân tức quần chúng bần nông và trung nông được Nhà nước chia cho ruộng đất, giải phóng khỏi ách địa chủ lớn, bảo vệ khỏi sự bóc lột của phú nông, được giúp đỡ mọi mặt về kinh tế và văn hóa. Nhờ thắng lợi của Cách mạng tháng Mười và sự giúp đỡ của chính quyền xô viết, ngay năm 1926 — 1927 bần nông và trung nông đã sản xuất ra hơn 4.000 triệu pút (1) lương thực, còn trước Cách mạng thì mỗi năm họ chỉ sản xuất được 2.500 triệu pút.

Nền tiểu sản xuất hàng hóa của nông dân tất nhiên sinh ra thành phần tư bản chủ nghĩa. Tình trạng nông dân phân hóa giai cấp thành bần nông và phú nông vẫn diễn ra. Nhưng quá trình phân

---

(1) 1 pút = 16 kilô 380 (*N.D.*)

hóa nông dân trong thời kỳ quá độ có tính chất không giống như dưới chế độ tư bản. Dưới chế độ tư bản, bần nông và phú nông ngày càng tăng, trung nông thì giảm bớt; số lớn trung nông phá sản và gia nhập hàng ngũ bần nông và giai cấp vô sản. Trong thời kỳ quá độ, nhờ những điều kiện phát triển mới của nông nghiệp mà tỷ số trung nông tăng lên so với trước cách mạng, còn tỷ số bần nông và phú nông thì giảm bớt. Ở Liên-xô, trong thời kỳ quá độ, trước khi quần chúng nông dân đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, do số người và tỷ số bần nông giảm bớt, tức là do một phần bần nông tiến lên mức trung nông mà số người và tỷ số của trung nông tăng lên. Trong khi ấy, số người và tỷ số phú nông giảm bớt nhiều so với thời kỳ trước Cách mạng và nếu có một vài năm trong thời kỳ quá độ, số phú nông có tăng lên nhưng rất ít so với dưới chế độ tư bản. Trung nông trở nên nhân vật trung tâm trong nông nghiệp.

Sau Cách mạng tháng Mười, ngay từ năm 1918, trung nông đã chiếm ưu thế trong nông thôn. Sở dĩ có tình hình ấy là do nông dân giành được ruộng đất và một phần súc vật nông cụ của địa chủ lớn mà không phải trả tiền. Năm 1918, đã thực hành tước đoạt bộ phận đối với phú nông, ruộng đất tịch thu của phú nông để cấp cho bần nông và trung nông có đến 50 triệu éc-ta. Năm 1928—1929, trong tổng số nông hộ, bần nông chiếm 35%, trung nông chiếm 60%, phú nông chiếm từ 4 đến 5%.

Trong thời kỳ quá độ, trong chính sách đối xử với nông dân, chính quyền xô viết lấy công thức dưới đây của Lê-nin làm kim chỉ nam: liên hiệp

chặt chẽ với trung nông, dựa vào bần nông, đấu tranh không nhân nhượng với phú nông.

Lê-nin dạy rằng trong lúc lãnh đạo nông dân, giai cấp công nhân luôn luôn phải phân rõ hai phương diện này của nông dân — người lao động và người tư hữu.

Trung nông, theo bản tính của họ mà nói, có tính chất hai mặt: là người lao động, họ hướng về phía giai cấp vô sản; là người tư hữu nhỏ, họ hướng về phía giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đều cố tranh thủ quần chúng trung nông về phía mình. Điều mà giai cấp vô sản coi trọng là lợi ích căn bản của nông dân về mặt họ là người lao động, giai cấp tư sản thì lợi dụng lợi ích của nông dân về mặt họ là kẻ tư hữu. Trong thời kỳ quá độ, nhất là chừng nào nông dân còn xây dựng sự sống còn của mình trên cơ sở chế độ tư hữu và tiểu sản xuất hàng hóa thì giữa giai cấp công nhân và nông dân còn có một số mâu thuẫn nhưng không có tính chất đối kháng, thí dụ trong vấn đề giá cả, vấn đề thuế suất. Nhưng các mâu thuẫn ấy không phải là căn bản. Về vấn đề căn bản, lợi ích của giai cấp công nhân nhất trí với lợi ích của quần chúng nông dân lao động: cả hai giai cấp đều có quan hệ lợi ích thiết thân đối với việc tiêu diệt bóc lột và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Cơ sở liên minh vững chắc của hai giai cấp bạn bè — giai cấp công nhân và nông dân — là ở đó.

Nguyên tắc liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo là cơ sở của việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Quyết nghị của Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga vạch rằng: «Nhiệm vụ *chính trị* quan trọng nhất của Đảng quyết định toàn bộ kết cục của cách mạng là phải hết sức chú ý và hết sức thận trọng *bảo vệ và phát triển liên minh của giai cấp công nhân với nông dân*» (1).

Liên minh vững chắc của giai cấp công nhân với nông dân là điều kiện tất yếu của quan hệ kinh tế đúng đắn giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, là điều kiện tất yếu để phát triển nông nghiệp và cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội. Chỉ có trên cơ sở liên minh công nông thì mới có thể đảm bảo tiêu diệt các hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa và đảm bảo sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân và nông dân là những giai cấp cơ bản của thời kỳ quá độ.

Giai cấp tư sản mất chính quyền và tư liệu sản xuất chủ yếu, không còn là một trong những giai cấp cơ bản của xã hội nữa. Bọn tư bản lớn và một phần rất lớn giai cấp tư sản hạng vừa ở thành thị, đã bị tước mất tư liệu sản xuất khi thời kỳ quá độ bắt đầu. Nhưng vẫn còn lại một phần giai cấp tư sản thành thị và giai cấp tư sản nông thôn tức phú nông. Trong khoảng mấy năm của thời kỳ quá độ, giai cấp tư sản còn có một lực lượng khá lớn. Điều đó là do kinh tế nhỏ sản xuất hàng hóa tất

---

(1) Xem «Quyết nghị của Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga».

nhiên sinh ra thành phần tư bản chủ nghĩa một cách tự phát, không thể một lúc thay thế kinh tế tư bản chủ nghĩa bằng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong hết thảy mọi ngành sản xuất. Giai cấp tư sản, sau khi đã mất địa vị thống trị của nó, vẫn còn giữ một số tiền và vật tư nhất định, duy trì liên hệ với một số khá nhiều chuyên gia cũ. Chúng dựa vào sự ủng hộ của tư bản quốc tế.

Mâu thuẫn cơ bản của kinh tế trong thời kỳ quá độ là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Cái trước là cái mới sinh, lúc đầu còn yếu, nhưng tương lai thuộc về nó ; cái sau là cái đã bị lật đổ, nhưng lúc đầu còn mạnh, có nguồn gốc trong nền kinh tế nhỏ sản xuất hàng hóa, nó là cái đã quá thời. Trong hết thảy mọi lĩnh vực sinh hoạt kinh tế của thời kỳ quá độ đều xảy ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư ản để quyết định «ai thắng ai». Một bên là giai cấp công nhân và quần chúng nông dân cơ bản, một bên là giai cấp tư sản, giữa hai bên có mâu thuẫn đối kháng, không thể điều hòa. Trong thời kỳ quá độ, Nhà nước vô sản lúc đầu thực hành chính sách hạn chế và hài trừ thành phần tư bản chủ nghĩa, về sau thì thực hành chính sách hoàn toàn tiêu diệt thành phần ấy. Đối với thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống giai cấp tư sản trở nên gay gắt là hợp với quy luật, bởi vì kiến thiết xã hội chủ nghĩa mở rộng thì sự phản kháng của giai cấp tư sản cũng tăng mạnh lên.

QUY LUẬT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SINH RA

Do khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đã nắm các mạch máu kinh tế, từ khi thời kỳ quá độ bắt đầu, hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa và quy luật phát triển của nó đã mất địa vị thống trị trong kinh tế quốc dân. Sự phát triển của kinh tế quốc dân không còn do tác dụng của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại quyết định. Phạm vi tác dụng của quy luật giá trị thặng dư chỉ đóng khung trong thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, và ngày càng bị hạn chế.

Những quy luật kinh tế mới sẵn có của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sinh ra, phát triển và dần dần mở rộng phạm vi tác dụng của nó trên cơ sở điều kiện kinh tế mới.

Với sự hình thành và phát triển của thành phần xã hội chủ nghĩa, *quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội* sinh ra và bắt đầu có tác dụng. Điều đó biểu hiện trước hết ở chỗ mục đích sản xuất đã thay đổi căn bản: trong khu vực xã hội chủ nghĩa, sản xuất không phải để lấy lợi nhuận tư bản chủ nghĩa, mà để thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của người lao động, để kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Hai là, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng củng cố và phát triển thì điều kiện để đạt mục đích đó ngày càng được tạo ra bằng cách không ngừng và nhanh chóng phát triển công nghiệp và áp dụng rộng rãi kỹ thuật tiên tiến. Sự phát triển công nghiệp không còn mang tính

chất chu kỳ nữa, những cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa đã chấm dứt.

Khi trong nền kinh tế nước nhà, chừng nào bên cạnh khu vực xã hội chủ nghĩa còn có các khu vực khác : khu vực tiểu sản xuất hàng hóa và khu vực tư bản chủ nghĩa cũng như vấn đề « ai thắng ai » vẫn chưa giải quyết, thì chừng đó phạm vi tác dụng của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội còn bị hạn chế. Quy luật đó có tác dụng trong phạm vi khu vực xã hội chủ nghĩa. Nhưng, vì khu vực xã hội chủ nghĩa có tác dụng chủ đạo và sự quan trọng của nó trong nền kinh tế nước nhà lại không ngừng tăng lên, cho nên quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội càng ngày càng ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn bộ kinh tế quốc dân.

Nhà nước xô viết dựa vào quy luật ấy mà vạch ra chính sách kinh tế, phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong hết thảy mọi ngành kinh tế, và ra sức nâng cao từng bước đời sống hạnh phúc của những người lao động trong phạm vi có thể làm được trong điều kiện khó khăn của thời kỳ quá độ.

Chế độ công hữu liên hợp các xí nghiệp của khu vực xã hội chủ nghĩa lại khiến cho sự phát triển nhịp nhàng của kinh tế xã hội chủ nghĩa trở nên cần thiết và có thể. Trong thời kỳ quá độ, trên cơ sở quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, *quy luật kinh tế phát triển nhịp nhàng (cân đối) của kinh tế quốc dân* sinh ra và dần dần tỏ rõ tác dụng của nó. Quy luật ấy đòi hỏi quản lý kinh tế một cách

có kế hoạch và thông qua kế hoạch mà quy định cho các ngành kinh tế những tỷ lệ cần thiết để đảm bảo thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Quy luật phát triển nhịp nhàng của nền kinh tế quốc dân bắt đầu có tác dụng điều tiết sản xuất trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa và ảnh hưởng của nó ngày càng có tính chất quyết định đối với các tỷ lệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Phạm vi tác dụng của quy luật kinh tế mới đó ở Liên-xô lúc đầu còn nhỏ hẹp, bởi vì khu vực xã hội chủ nghĩa chỉ mới bao gồm một phần nhỏ của kinh tế quốc dân, chính quyền xô viết chỉ mới bắt đầu nắm công tác kế hoạch. Với sự phát triển của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa, quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ mất tác dụng, phạm vi tác dụng của quy luật phát triển nhịp nhàng của kinh tế quốc dân ngày càng mở rộng.

Trong khu vực xã hội chủ nghĩa, quy luật giá trị sức lao động không còn có tác dụng nữa. Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới, *quy luật* kinh tế *phân phối theo lao động* sinh ra và bắt đầu có tác dụng; theo quy luật đó, mỗi người làm việc phải được trả công tương đương với lao động đã hao phí của mình.

Vì sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa tiếp tục tồn tại, nên *quy luật giá trị* vẫn còn. Nhưng do công hữu hóa tư liệu sản xuất chủ yếu và do quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa xuất hiện, nên phạm vi của sản xuất hàng hóa và của quy luật giá trị bị hạn chế, tác dụng của sản xuất hàng hóa

và quy luật giá trị căn bản cũng không giống như dưới chế độ tư bản.

Quy luật giá trị, trong giới hạn nào đó, có tác dụng điều tiết sản xuất trong khu vực tiểu sản xuất hàng hóa và trong khu vực tư bản chủ nghĩa của kinh tế quốc dân. Nhưng nó không phải là lực lượng điều tiết sản xuất trong khu vực xã hội chủ nghĩa. Trong khu vực xã hội chủ nghĩa quy luật tỷ suất lợi nhuận trung bình không còn có tác dụng. Số đầu tư trong khu vực kinh tế này thực hiện trên cơ sở quy luật phát triển nhịp nhàng của nền kinh tế quốc dân.

Chính quyền vô sản ngày càng lợi dụng sản xuất hàng hóa, quy luật giá trị, thương nghiệp, lưu thông tiền tệ, để phát triển các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, để củng cố mối liên hệ kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp và để đấu tranh với thành phần tư bản chủ nghĩa. Căn cứ vào nguyên lý của Lê-nin về vai trò mới của thương nghiệp và tiền tệ trong thời kỳ quá độ, Sta-lin vạch rằng:

> «Vấn đề quyết không phải ở chỗ thương nghiệp và chế độ tiền tệ là phương pháp của «kinh tế tư bản chủ nghĩa». Vấn đề là ở chỗ thành phần xã hội chủ nghĩa của kinh tế nước ta, trong lúc đấu tranh với thành phần tư bản chủ nghĩa, nắm lấy các phương pháp và vũ khí ấy của giai cấp tư sản để chiến thắng thành phần tư bản chủ nghĩa, là ở chỗ thành phần xã hội chủ nghĩa lợi dụng *một cách thành công* các phương pháp và vũ khí ấy để *chống lại* chủ nghĩa tư bản, lợi dụng *một cách thành công* các phương pháp và vũ khí ấy để đặt cơ sở xã hội chủ nghĩa

cho kinh tế nước ta. Cho nên vấn đề là ở chỗ do tính chất biện chứng trong sự phát triển của chúng ta, chức năng và sứ mạng của các công cụ tư sản ấy thay đổi *về nguyên tắc*, về căn bản, thay đổi một cách có lợi cho chủ nghĩa xã hội mà không có lợi cho chủ nghĩa tư bản» (1).

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Không tính một cách đúng đắn đến điều kiện kinh tế khách quan của thời kỳ quá độ và quy luật kinh tế sinh ra trên cơ sở những điều kiện ấy, mà muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì không thể được. Khi quyết định chính sách, Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết xuất phát từ kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội của Lê-nin, dựa vào quy luật kinh tế và tính đến tương quan hiện thực của lực lượng các giai cấp.

Học thuyết Lê-nin về *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước* có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với việc kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Học thuyết ấy đem đến cho Đảng và giai cấp công nhân một tiền đồ sáng lạn, và lòng tin vào sự tất thắng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học.

---

(1) Sta-lin: «Kết luận về báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô».

Về vấn đề thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước, cần phân biệt rõ hai mặt: mặt trong nước và mặt quốc tế. *Mặt trong nước* của vấn đề thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước bao hàm vấn đề quan hệ giữa các giai cấp trong nước. Điểm xuất phát của Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết là: giai cấp công nhân có thể khắc phục mâu thuẫn của mình với nông dân, củng cố liên minh của mình với nông dân, và thu hút quần chúng nông dân tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Sau khi *về chính trị* đã đập tan chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân liên minh với nông dân hoàn toàn cũng có thể chiến thắng giai cấp tư sản trong nước *về kinh tế*, tiêu diệt giai cấp bóc lột, kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa. *Mặt quốc tế* của vấn đề thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước bao hàm vấn đề quan hệ giữa nước chuyên chính vô sản và các nước tư bản. Chừng nào hai hệ thống đối lập — hệ thống tư bản chủ nghĩa và hệ thống xã hội chủ nghĩa — còn song song tồn tại thì nguy cơ các nước đế quốc vũ trang xâm lược nước xã hội chủ nghĩa vẫn còn. Mâu thuẫn ấy, nếu chỉ trông vào lực lượng của một mình nước chuyên chính vô sản thì không thể giải quyết được. Cho nên, chỉ khi nào không còn nguy cơ các nước đế quốc xâm lược vũ trang can thiệp và phục hồi lại chủ nghĩa tư bản, thì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội mới là thắng lợi hoàn toàn.

Bọn Tờ-rốt-sky — Bu-kha-rin âm mưu phục hồi chủ nghĩa tư bản bị đập tan là một điều kiện tất yếu để kiến thiết thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô; những kẻ âm mưu phục hồi chủ nghĩa

tư bản ấy tung ra lý luận để tước vũ khí của giai cấp công nhân, nói rằng không thể kiến thiết thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước, nói rằng nước Nga, vì lạc hậu về kỹ thuật và kinh tế nên «chưa chín muồi» để kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết xuất phát từ nguyên lý sau đây của Lê-nin: Liên-xô có đầy đủ tất cả những cái gì cần thiết để xây dựng hoàn toàn thành công chủ nghĩa xã hội; sự lạc hậu của nước Nga về kỹ thuật và kinh tế hoàn toàn có thể khắc phục được trong điều kiện chuyên chính vô sản. Kinh nghiệm lịch sử đã hoàn toàn chứng thực nguyên lý của Lê-nin là đúng.

Điểm chủ yếu trong kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô của Lê-nin là việc xây dựng công nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội và điều kiện tất yếu cho kinh tế tiểu nông thông qua hợp tác xã mà chuyển dần sang sản xuất tập thể đại quy mô. Kế hoạch Nhà nước điện khí hóa nước Nga *(Kế hoạch Gô-en-rô)* thông qua năm 1920 có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất trong cương lĩnh kiến thiết chủ nghĩa xã hội của Lê-nin. Đó là kế hoạch dài hạn đầu tiên trong lịch sử loài người để phát triển kinh tế quốc dân, nó dự tính sáng lập lên cơ sở kỹ thuật cho sản xuất xã hội chủ nghĩa trong khoảng từ 10 đến 15 năm.

> «Sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản và sự củng cố của chủ nghĩa xã hội chỉ được coi là chắc chắn, khi nào chính quyền Nhà nước vô sản, sau khi đè bẹp hẳn mọi

phản kháng của bọn bóc lột, và đảm bảo cho mình được hoàn toàn vững vàng và được phục tùng tuyệt đối, đã cải tổ toàn bộ cơ nghiệp trên cơ sở sản xuất tập thể đại quy mô và kỹ thuật tối tân (lấy việc điện khí hóa toàn bộ kinh tế làm cơ sở). Chỉ có như thế, thành thị mới có thể đem tới cho nông thôn lạc hậu và phân tán sự giúp đỡ căn bản về kỹ thuật và xã hội đặng xây dựng cơ sở vật chất cho việc nâng rất cao năng suất của lao động canh tác và của lao động nông nghiệp nói chung, do đó, bằng gương thực tế và vì lợi ích của chính họ, thúc đẩy người tiểu nông chuyển sang nông nghiệp đại quy mô, tập thể hóa, cơ khí hóa» (1).

Lê-nin đã vạch con đường đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội và tác dụng mới của *chế độ hợp tác* trong công cuộc cải tạo tiểu sản xuất hàng hóa theo chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch kiến thiết xã hội chủ nghĩa của Lê-nin lấy việc phát triển đến mức tối đa quan hệ kinh tế giữa công nghiệp quốc doanh và kinh tế nông dân làm tiền đề. Do tính chất kinh tế tiểu nông, nên hình thức quan hệ kinh tế với thành thị mà nông dân đòi hỏi bức thiết là sự trao đổi qua mua bán. Trong thời kỳ quá độ, sự kết hợp thương nghiệp giữa công nghiệp quốc doanh và kinh tế tiểu nông là một sự cần thiết về kinh tế.

Vì trong thời kỳ quá độ còn có kinh tế nông dân, cho nên cần phải lợi dụng thị trường và kinh tế tiền tệ để kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

---

(1) Lê-nin: «Sơ thảo đề cương về vấn đề ruộng đất»

Ngay từ mùa xuân năm 1918, chính quyền xô viết đã bắt đầu tổ chức việc trao đổi hàng hóa với nông thôn qua mua bán, bắt đầu làm những công tác chuẩn bị cho cải cách tiền tệ. Nhưng do nước ngoài vũ trang can thiệp, toàn bộ kinh tế phải phục vụ cho tiền tuyến trong điều kiện vật tư vô cùng eo hẹp. Can thiệp vũ trang làm nghiêm trọng thêm những sự phá hoại do đại chiến thế giới thứ nhất gây ra cho nước nhà. Chính quyền xô viết không có công nghiệp phẩm để trao đổi với nông phẩm mà số lượng cũng đã giảm đi nhiều. Dùng phương pháp mua bán để thu mua nông phẩm cho quân đội và thành thị là điều không thể được. *Chế độ trưng thu lương thực thừa*, trở nên cần thiết: nghĩa là Nhà nước, bằng biện pháp trưng thu, lấy lương thực thừa của nông dân, chứ không thông qua thị trường. Như vậy là điều kiện khách quan đã buộc chính quyền xô viết thi hành chính sách gọi là «chủ nghĩa cộng sản thời chiến».

Ngoài chế độ trưng thu lương thực thừa cần thiết vì sự thiếu thốn cùng cực, vì phải tiếp tế cho quân đội, cứu quần chúng công nhân khỏi chết đói, chính sách «chủ nghĩa cộng sản thời chiến» còn đòi hỏi phải thi hành một loạt biện pháp khác. Vì Nhà nước thiếu hàng hóa, cho nên cấm mua bán các sản phẩm chủ yếu, khiến cho các sản phẩm đó không rơi vào tay bọn đầu cơ. Ở thành thị, vật phẩm tiêu dùng phân phối theo thẻ với mức rất thấp và theo nguyên tắc giai cấp; ngoài ra khẩu phần nhiều hay ít là tùy theo công việc nặng hay nhẹ, tính chất quan trọng của xí nghiệp nhiều hay ít. Thực hành chế độ nghĩa vụ lao động phổ biến. Giai cấp tư sản được thu hút tham gia nghĩa vụ lao động có ích cho xã hội. Hoàn cảnh chiến tranh đòi hỏi chính quyền xô viết không những chỉ nắm công nghiệp lớn và vừa, mà

còn nắm đại bộ phận tiểu công nghiệp. Do vật tư, nguyên liệu bị hạn chế, trong công nghiệp phải thực hành chế độ tiếp liệu hiện vật tập trung và rất chặt chẽ, sự tiếp liệu đó phục tùng nhiệm vụ tiếp tế mặt trận. Xí nghiệp lĩnh sản phẩm và giao sản phẩm, chỉ căn cứ vào lệnh thu phát, không trả tiền cũng không nhận tiền, xí nghiệp không có một sự độc lập kinh tế nào. Tất cả những điều đó làm cho không thể áp dụng được chế độ hạch toán kinh tế đảm bảo cho xí nghiệp tự túc được về tài chính và kiếm được lãi. Do chiến tranh đế quốc và nội chiến, kinh tế quốc dân của Liên-xô cực kỳ suy sụp. So với năm 1913 thì năm 1920, sản xuất đại công nghiệp sụt xuống chừng 1 phần 7, còn sản xuất nông nghiệp thì sụt xuống còn một nửa. Để bù đắp vào chi tiêu của Nhà nước, đã phát hành rất nhiều tiền giấy, những tiền giấy đó đã mất giá nhanh chóng.

Công nhân trong xí nghiệp, cũng như chiến sĩ Hồng quân ngoài mặt trận, đã biểu lộ chủ nghĩa anh hùng quần chúng. Trong thời kỳ đó, các hình thức thi đua như «*Ngày thứ bảy cộng sản*» có một tác dụng rất lớn. Giai cấp công nhân đã học tập quản lý sản xuất.

Trong hoàn cảnh nước ngoài vũ trang can thiệp và nội chiến, liên minh *quân sự và chính trị* giữa giai cấp công nhân với nông dân đã hình thành và củng cố. Mục đích của liên minh đó là liên hợp lực lượng của công nhân và nông dân để đánh lui cuộc tấn công của bọn ngoại xâm và bọn Bạch vệ, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Nhà nước của công nhân và nông dân. Chính quyền xô viết đem ruộng đất lại cho nông dân, và bảo vệ họ khỏi bị địa chủ và phú nông làm hại; nông dân cung cấp lương thực cho công nhân theo chế độ trưng thu lương thực thừa, — đó là cơ sở của liên minh quân sự và chính trị của công nhân với nông dân trong thời kỳ «chủ nghĩa cộng sản thời chiến».

Trong điều kiện lịch sử nhất định, tức trong điều kiện nội chiến và kinh tế bị phá hoại, «chủ nghĩa cộng sản thời chiến» là điều không tránh

được. Nhưng «chủ nghĩa cộng sản thời chiến» trưng thu lương thực thừa và cấm mua bán làm cho nông dân không có lợi ích vật chất trong việc sản xuất; nó không thích hợp với sự liên minh kinh tế giữa thành thị và nông thôn. Cho nên, trong tình hình không có can thiệp vũ trang và phá hoại kinh tế do chiến tranh lâu dài gây ra, Nhà nước vô sản không cần thực hành «chủ nghĩa cộng sản thời chiến». Điều đó đã được kinh nghiệm của các nước dân chủ nhân dân chứng thực.

Sau khi đánh bại can thiệp vũ trang của nước ngoài và kết thúc nội chiến, mùa xuân năm 1921 chính quyền xô viết chuyển sang chính sách Tân kinh tế, gọi như thế để phân biệt với chính sách «chủ nghĩa cộng sản thời chiến». Ngay từ mùa xuân năm 1918, Lê-nin đã vạch ra nguyên tắc cơ bản của chính sách Tân kinh tế. Nhưng can thiệp vũ trang đã làm gián đoạn việc thực hành nguyên tắc ấy. Mãi đến ba năm sau, chính quyền xô viết mới có thể ban bố lại chính sách ấy và thực hành nó một cách liên tục.

Chính sách Tân kinh tế mà chính quyền xô viết thực hành trong thời kỳ quá độ là chính sách kinh tế lợi dụng thị trường, thương nghiệp, lưu thông tiền tệ để kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Thực chất của chính sách ấy là liên minh *kinh tế* của giai cấp công nhân với nông dân, liên minh ấy là cần thiết để thu hút quần chúng nông dân tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Đầu năm 1922, lúc trình bày những nhiệm vụ của chính sách Tân kinh tế, Lê-nin nói:

« Chúng ta cần phải liên minh với quần chúng nông dân, với nông dân lao động thường và tiến lên với một tốc độ so với hy vọng chúng ta thì chậm không thể lường được, chậm đến cực điểm, nhưng tất cả quần chúng sẽ thực sự cùng chúng ta tiến lên. Đến một thời kỳ nhất định, phong trào đó sẽ tăng nhanh tới tốc độ mà hiện nay chúng ta không thể mơ tưởng đến » (1).

Cùng với bước chuyển sang chính sách Tân kinh tế, nhiệm vụ được đề ra trước tiên là khôi phục kinh tế. Trước hết phải làm cho nông dân lao động vì lợi ích vật chất mà quan tâm đến việc phát triển nhanh chóng nông nghiệp để đảm bảo cho dân cư thành thị có lương thực, đảm bảo cho công nghiệp có nguyên liệu. Rồi trên cơ sở đó, đẩy công nghiệp quốc doanh tiến lên, làm cho nó kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp, đồng thời loại bỏ tư bản tư nhân. Sau đó, khi đã tích lũy vốn được đầy đủ, sẽ giải quyết nhiệm vụ xây dựng công nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, có khả năng cải tạo nông nghiệp theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, mở cuộc tấn công kiên quyết vào thành phần tư bản chủ nghĩa để triệt để tiêu diệt nó.

Chính sách Tân kinh tế tính đến việc cho phép chủ nghĩa tư bản tồn tại trong phạm vi nhất định với điều kiện Nhà nước vô sản nắm các mạch máu

---

(1) Lê-nin: « Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ XI của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga ».

kinh tế, tính đến cuộc đấu tranh của thành phần xã hội chủ nghĩa với thành phần tư bản chủ nghĩa, tính đến sự thắng lợi của thành phần xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh đó, tính đến việc tiêu diệt các giai cấp bóc lột và việc xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Khi chính sách Tân kinh tế bắt đầu, *thương nghiệp* biểu hiện như là khâu cơ bản cần phải nắm để chuyển cả sợi dây chuyền kiến thiết kinh tế. Chiến tranh kết thúc cho phép dùng *thuế lương thực* thay cho chế độ trưng thu lương thực thừa. Thuế lương thực mà tổng số đã được quy định trước vụ cấy mùa xuân, theo tỷ suất của nó mà nói, thì ít hơn chế độ trưng thu lương thực thừa; nó để lại cho nông dân lương thực thừa và các sản phẩm khác để họ tự do đem bán trên thị trường và đổi lấy công nghiệp phẩm. Lê-nin đã từng nhấn mạnh vào sự đòi hỏi bức thiết phải học buôn bán, có như thế thì mới làm cho công nghiệp xã hội chủ nghĩa thỏa mãn được nhu cầu của nông dân.

Sự cần thiết của lưu thông hàng hóa giữa thành thị và nông thôn quyết định sự phát triển của quan hệ hàng hóa trong bản thân công nghiệp và đòi hỏi củng cố kinh tế tiền tệ ở trong nước. Với bước chuyển sang chính sách Tân kinh tế, chế độ tiếp liệu hiện vật trong công nghiệp bị xóa bỏ. Xí nghiệp quốc doanh chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế, ngày càng kinh doanh theo nguyên tắc tự túc về tài chính và thu được tiền lời nhất định. Chế độ thương nghiệp mở rộng thay thế chế độ phát thẻ mua vật phẩm cho nhân dân.

Cuộc cải cách tiền tệ hoàn thành năm 1924 đảm bảo cho nước nhà một chế độ tiền tệ ổn định.

Căn cứ vào quy luật phát triển nhịp nhàng của kinh tế quốc dân, chính quyền xô viết hạn chế dần phạm vi tác dụng của quy luật giá trị, và chuyển dần sang kế hoạch hóa công nghiệp quốc doanh.

Trong khu vực kinh tế quốc doanh, chính quyền xô viết trực tiếp thực hành kế hoạch hóa, quy định thẳng nhiệm vụ sản xuất cho mỗi xí nghiệp. Nó quy định giá cố định cho hàng hóa mà xí nghiệp quốc doanh sản xuất ra. Về mặt kinh tế nông dân, không thể thực hành kế hoạch hóa như thế được. Ảnh hưởng của Nhà nước đối với kinh tế nông dân được thực hiện qua sự điều chỉnh kinh tế gián tiếp — thông qua thương nghiệp, cung cấp, thu mua, giá cả, tín dụng, tài chính. Nhà nước xô viết dùng các công cụ kinh tế ấy để củng cố sự liên minh với kinh tế nông dân, để tăng cường tác dụng lãnh đạo của thành phần xã hội chủ nghĩa. Tác dụng của quy luật giá trị đối với thị trường tư nhân biểu hiện ở chỗ: giá cả hình thành một cách tự phát, có cạnh tranh, có đầu cơ, thành phần tư bản chủ nghĩa phát tài bằng cách làm thiệt hại đến những người lao động. Nhà nước xô viết tập trung số lớn hàng hóa ngày càng nhiều vào tay mình, ngày càng mở rộng việc thu mua nông phẩm, nhờ thế, trong cuộc đấu tranh kiên quyết với thành phần tư bản chủ nghĩa, Nhà nước có thể quy định về cơ bản giá cả lúa mì và các hàng hóa quan trọng khác, dùng mọi biện pháp để hạn chế hiện tượng giá cả thị trường tự do lên

xuống. Tác dụng điều tiết của Nhà nước đối với thị trường tư nhân ngày càng tăng cường.

Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga đề ra nhiệm vụ:

> «Phải xuất phát từ sự tồn tại của thị trường và tính đến quy luật của thị trường, nắm vững thị trường, thông qua những biện pháp kinh tế có hệ thống, được suy nghĩ chín chắn, được xây dựng trên sự tính toán đúng đắn đối với quá trình thị trường mà điều tiết thị trường và lưu thông tiền tệ» (1).

Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ ấy.

Dựa vào công nghiệp xã hội chủ nghĩa, vào hệ thống tài chính và tín dụng, vào thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, chính quyền xô viết, trong cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, đã thực hành một cách liên tục chính sách hạn chế và gạt bỏ thành phần tư bản chủ nghĩa: nhà công nghiệp, phú nông, nhà buôn, đánh thuế nặng vào bọn tư bản, thu hẹp khả năng của chúng trong việc sử dụng tư liệu sản xuất và lao động làm thuê. Nghĩa là phạm vi tác dụng của quy luật giá trị thặng dư ngày càng bị hạn chế. Trong mấy năm đầu của chính sách Tân kinh tế, thành phần tư bản chủ nghĩa có hoạt động và tăng lên trong phạm vi nhất định, nhưng tác dụng kinh tế của nó chẳng mấy chốc đã bắt đầu giảm xuống ngày càng nhanh.

Điều kiện tất yếu để đẩy tới công nghiệp quốc doanh là làm cho công nhân do lợi ích vật chất

---

(1) Xem: «Nghị quyết của hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản (Bôn-sê-vích) Nga».

cá nhân mà quan tâm đến sự phát triển của sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, căn cứ vào quy luật phân phối theo lao động, làm cho tiền lương của công nhân và viên chức ngày càng phù hợp với số lượng và chất lượng lao động của mỗi người. Điều đó kích thích năng suất lao động nâng cao không ngừng.

Trong thời kỳ quá độ, trong kinh tế đã xảy ra quá trình hai mặt. Một mặt, thành phần tư bản chủ nghĩa lớn lên một cách tự phát trong thời kỳ nhất định và trong phạm vi nhất định. Mặt khác, thành phần xã hội chủ nghĩa lớn lên đều đặn, không ngừng và nhanh chóng hơn nhiều ; sự phát triển này đã quyết định tiến trình phát triển của toàn bộ kinh tế quốc dân.

Trong sản lượng công nghiệp, tỷ lệ của kinh tế tư doanh, mấy năm đầu của chính sách Tân kinh tế, là một phần tư, nhưng năm 1929 thì sụt xuống bằng một phần mười. Năm 1921 — 1922, tỷ lệ thương nghiệp tư nhân chiếm chừng ba phần tư số buôn bán hàng lẻ, nhưng đến năm 1926 thì thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã đã loại bỏ thương nghiệp tư nhân một cách thắng lợi, chiếm ưu thế vững vàng trong việc buôn bán hàng lẻ.

Khôi phục việc buôn bán hàng hóa, củng cố liên minh về mặt thương nghiệp là điều kiện cần thiết để nhanh chóng khôi phục kinh tế và phát triển công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chính quyền xô viết phát huy tính ưu việt vốn có của công nghiệp xã hội chủ nghĩa, khiến cho tổng sản lượng của đại công nghiệp năm 1926 lên tới mức năm 1913. Nhờ chính quyền xô viết giúp đỡ nông dân lao động về mọi mặt, năm 1926, tổng sản lượng của nông nghiệp đã vượt quá mức năm 1913.

Cùng với sự khôi phục công nghiệp và nông nghiệp, đã bắt đầu chuyển sang cải tạo toàn bộ

kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội. Công, nông nghiệp càng phát triển thì mức sống vật chất và văn hóa của người lao động cũng dần dần được nâng cao.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, Nhà nước xô viết, nhân dân lao động Liên-xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã tuần tự giải quyết thắng lợi các nhiệm vụ sau đây: thông qua quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa mà nắm lấy các mạch máu kinh tế quốc dân; xây dựng sự liên minh về thương nghiệp giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa với kinh tế nông dân, cung cấp vật phẩm tiêu dùng cho nông thôn; thực hành công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội, xây dựng sự liên minh về sản xuất giữa thành thị và nông thôn bằng cách cung cấp kỹ thuật cơ khí tiên tiến cho nông thôn, thực hành tập thể hóa nông nghiệp và xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được lập lên trong công nghiệp tạo khả năng rộng lớn để công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đặt cơ sở kỹ thuật tiên tiến cho nông nghiệp, do đó tạo cơ sở vật chất cho việc tập thể hóa kinh tế nông dân theo chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa nước nhà và tập thể hóa nông nghiệp là do quy luật quan hệ sản xuất và tính chất của lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp và quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội quyết định. Hai quy luật đó đòi hỏi phải lập ra

quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ kinh tế quốc dân — không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp. Chỉ có trong điều kiện ấy, lực lượng sản xuất mới có rộng đường phát triển. Công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội và tập thể hóa nông nghiệp đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thu được thắng lợi trong toàn bộ kinh tế quốc dân, đảm bảo cho sản xuất không ngừng phát triển và mức sống hạnh phúc của nhân dân không ngừng nâng cao.

Chính sách Tân kinh tế là biểu hiện cụ thể của kế hoạch Lê-nin để xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô; kế hoạch đó, về sau đã được phát triển thêm, trong các tác phẩm của Sta-lin, trong các nghị quyết của Đảng Cộng sản. Nguyên tắc cơ bản của chính sách Tân kinh tế mà Liên-xô thực hành là kim chỉ nam cho hành động của bất cứ nước nào kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Nhưng hình thức cụ thể của việc kiến thiết kinh tế trong mỗi nước thì phải thích hợp với đặc điểm phát triển của nước đó, phải tính đến hoàn cảnh của nước đó trong khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lê-nin vạch rằng:

> «Còn về hình thức, phương pháp và phương tiện cách mạng thì Mác đã không tự trói tay mình, mà cũng không trói tay các nhà hoạt động cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này, vì Mác rất hiểu rằng biết bao nhiêu vấn đề mới sẽ nảy ra, rằng toàn bộ tình hình sẽ thay đổi, thay đổi luôn luôn và rất nhiều trong tiến trình cách mạng» (1).

---

(1) Lê-nin: «Bàn về thuế lương thực».

Công cuộc kiến thiết kinh tế xã hội chủ nghĩa ở các nước dân chủ nhân dân tiến hành trong những điều kiện thuận tiện hơn ở Liên-xô, bởi vì Liên-xô lúc bấy giờ là nước duy nhất kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Liên-xô phải là kẻ đầu tiên mở ra con đường chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Hiện nay mỗi nước dân chủ nhân dân đều có thể dựa vào sự giúp đỡ lớn lao của cả phe xã hội chủ nghĩa và có thể lợi dụng được kinh nghiệm kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô.

TÓM TẮT

1) Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã mở ra con đường đi tới chủ nghĩa xã hội. Cách mạng vô sản là một tất yếu lịch sử, điều đó do quy luật quan hệ sản xuất và tính chất lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp quyết định. Phải có một thời kỳ quá độ để biến xã hội tư bản thành xã hội xã hội chủ nghĩa bằng phương pháp cách mạng. Nhà nước trong thời kỳ quá độ là chuyên chính vô sản dưới hình thức chính quyền xô viết hay dưới hình thức dân chủ nhân dân. Do quốc hữu hóa theo chủ nghĩa xã hội những tư liệu sản xuất chủ yếu trong tay các giai cấp bóc lột mà lập lên khu vực xã hội chủ nghĩa nắm các mạch máu kinh tế quốc dân.

2) Những hình thức cơ bản của kinh tế xã hội trong thời kỳ quá độ là: chủ nghĩa xã hội, tiểu sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa tư bản; những giai cấp thích ứng với các hình thức kinh tế ấy là: giai cấp

công nhân, nông dân, giai cấp tư sản. Các giai cấp cơ bản của thời kỳ quá độ là giai cấp công nhân và nông dân. Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, nhằm mục đích chống lại các giai cấp bóc lột. Mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn và chủ nghĩa tư bản rẫy chết. Hạn chế và bài trừ rồi tiêu diệt các thành phần tư bản chủ nghĩa, những việc đó đều thực hiện trong quá trình đấu tranh giai cấp quyết liệt.

3) Trong thời kỳ quá độ, thành phần xã hội chủ nghĩa càng phát triển và củng cố và thành phần tư bản chủ nghĩa càng bị khắc phục, thì các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa biểu hiện quan hệ bóc lột phải rút lui khỏi vũ đài. Các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà Nhà nước vô sản dựa vào, sinh ra và dần dần mở rộng phạm vi tác dụng của nó. Chính quyền vô sản lợi dụng với mức độ ngày càng lớn quy luật giá trị, thương nghiệp, tiền tệ, tín dụng ; sự lợi dụng ấy không có lợi cho chủ nghĩa tư bản, mà có lợi cho chủ nghĩa xã hội.

4) Chính sách kinh tế của chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ là lợi dụng sản xuất hàng hóa và thị trường để làm cho thành phần xã hội chủ nghĩa chiến thắng thành phần tư bản chủ nghĩa, để kiến thiết thành công kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chính sách đó đảm bảo liên minh kinh tế giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa và kinh tế nông dân, đảm bảo công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội và tập thể hóa nông nghiệp.

CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐẠI CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. BẢN CHẤT CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng trên cơ sở đại sản xuất cơ khí. Chỉ có đại sản xuất cơ khí mới có thể đảm bảo cho hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa chiến thắng hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thành thị cũng như ở nông thôn, đảm bảo cho năng suất lao động và đời sống hạnh phúc của nhân dân lao động không ngừng nâng cao.

Lê-nin viết:

> « Cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo cả nông nghiệp » (1).

Chủ nghĩa tư bản đã phát triển đại công nghiệp, do đó đã sáng tạo ra điều kiện vật chất cho cách

---

(1) Lê-nin : « Đề cương sách lược của Đảng Cộng sản Nga đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ III của Quốc tế Cộng sản ».

mạng vô sản và cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng do mâu thuẫn vốn có của nó, chủ nghĩa tư bản không thể tổ chức trong tất cả các nước hết thảy mọi ngành kinh tế trên cơ sở đại sản xuất cơ khí. Đại bộ phận các nước, nhất là các nước thuộc địa và phụ thuộc, không có đại công nghiệp phát triển đầy đủ. Trong các nước tư bản đều có giai cấp nông dân đông đảo, kinh tế của họ là kinh tế nhỏ tư nhân cá thể dựa trên cơ sở lao động thủ công và kỹ thuật nguyên thủy. Mà không cải tổ tất cả các ngành sản xuất trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến thì không thể đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thu được thắng lợi trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Đóng vai trò quyết định trong đại công nghiệp là các ngành sản xuất tư liệu sản xuất: kim thuộc, than, dầu hỏa, máy móc, thiết bị, vật liệu kiến trúc, v.v... tức *công nghiệp nặng*. Cho nên công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trước hết là phát triển công nghiệp nặng và ngành chế tạo máy móc, trọng tâm của công nghiệp nặng.

> «Trọng tâm của công nghiệp hóa, cơ sở của công nghiệp hóa là phát triển công nghiệp nặng (nhiên liệu, kim thuộc v.v...), xét cho cùng là phát triển sản xuất ra tư liệu sản xuất, phát triển công nghiệp chế tạo máy móc của nước mình» (1).

Ngành chế tạo máy móc chiếm một địa vị đặc biệt trong nền kinh tế nước nhà. Ngành chế tạo máy móc phát đạt là cơ sở để thiết bị lại mọi ngành kinh tế quốc dân bằng phương tiện kỹ thuật

---

(1) Sta-lin: «Tình hình kinh tế Liên-xô và chính sách của Đảng».

hiện đại--máy móc, máy cái, dụng cụ, khí cụ, công cụ,—là cơ sở của tiến bộ kỹ thuật.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đảm bảo cho các hình thức công nghiệp xã hội chủ nghĩa có một ưu thế ngày càng lớn đối với các hình thức tiểu sản xuất hàng hóa và hình thức tư bản chủ nghĩa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở vật chất để phát triển hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, để tiêu diệt những yếu tố tư bản chủ nghĩa; nó đảm bảo cho hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa có ưu thế kỹ thuật cần thiết để hoàn toàn chiến thắng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Phát triển công nghiệp nặng là thìa khóa để cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kỹ thuật cơ khí tiên tiến. Cung cấp cho nông nghiệp máy kéo, máy gặt đập và các máy nông nghiệp khác, công nghiệp xã hội chủ nghĩa làm cho lực lượng sản xuất mới ở nông thôn xuất hiện và phát triển, lực lượng sản xuất mới ấy cần thiết cho sự thắng lợi của chế độ nông trang tập thể.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm cho số người của giai cấp công nhân tăng thêm, nâng cao địa vị và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội, củng cố cơ sở chuyên chính của giai cấp công nhân, củng cố liên minh công nông.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đảm bảo *độc lập về kỹ thuật và kinh tế*, cùng khả năng quốc phòng cho nước xây dựng chủ nghĩa xã hội trước sự thù địch của thế giới tư bản. Nhờ có công nghiệp nặng, người ta có thể sản xuất ra vũ khí hiện đại cần để bảo vệ nước nhà chống các nước đế quốc thù địch xâm lược.

Vậy *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* là phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng, sự phát triển ấy đảm bảo cải tạo toàn bộ kinh tế quốc dân trên cơ sở kỹ thuật cơ khí tiên tiến, đảm bảo cho hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa thu được thắng lợi, đảm bảo cho nước nhà khỏi lệ thuộc vào thế giới tư bản về kỹ thuật và kinh tế, và đảm bảo cho nước nhà có khả năng tự vệ.

Do quy luật quan hệ sản xuất và tính chất lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp và quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, do sự cần thiết phải tạo ra điều kiện vật chất để xây dựng chủ nghĩa xã hội, để phát triển không ngừng sản xuất và thường xuyên nâng cao mức sống của nhân dân nên công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trở nên cần thiết.

Đối với Liên-xô, công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội có một tầm quan trọng rất lớn. Nước Nga trước cách mạng, tuy có đại công nghiệp, nhưng căn bản vẫn là một nước nông nghiệp. Về mức phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng, thì nước Nga lạc hậu hơn các nước tư bản chính một cách rõ rệt.

Nước Nga Sa hoàng, về bề rộng lãnh thổ thì đứng thứ nhất trên thế giới, về nhân khẩu thì đứng thứ ba (sau Trung-quốc và Ấn-độ), nhưng về khối lượng sản xuất công nghiệp thì đứng thứ năm trên thế giới, đứng thứ tư ở châu Âu. Năm 1913, trong sản lượng đại công nghiệp và nông nghiệp cộng lại, thì sản lượng nông nghiệp chiếm 57,9%, sản lượng công nghiệp chiếm 42,1%. Công nghiệp nặng lạc hậu xa so với công nghiệp nhẹ. Nhiều ngành công nghiệp quan trọng, như công nghiệp sản xuất máy

cái, máy kéo, ô-tô và các ngành công nghiệp cơ khí khác, thì không có. Công cụ sản xuất hiện đại mà nước Nga có trước cách mạng chỉ bằng một phần tư của nước Anh, một phần năm của nước Đức, một phần mười của nước Mỹ. Sự lạc hậu về kinh tế và kỹ thuật khiến nước Nga Sa hoàng lệ thuộc vào các nước tư bản phát đạt hơn. Nước Nga buộc phải nhập cảng của nước ngoài một phần rất lớn thiết bị và các tư liệu sản xuất khác. Bọn tư bản nước ngoài nắm các ngành then chốt của công nghiệp nặng.

Sự thống trị của bọn tư bản và địa chủ lớn làm cho tính chất lệ thuộc của nước Nga vào các cường quốc đế quốc phương Tây ngày càng tăng. Độc lập dân tộc của nước nhà trực tiếp bị đe dọa. Các giai cấp bóc lột không thể xóa bỏ được tình trạng lạc hậu đã lâu đời về kinh tế và kỹ thuật của nước Nga Chỉ có giai cấp công nhân mới có thể giải quyết nhiệm vụ lịch sử đó. Ngay khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại sắp nổ ra, Lê-nin đã nhấn mạnh rằng về mặt kỹ thuật và kinh tế *đuổi kịp và vượt qua* các nước tư bản phát đạt nhất là vấn đề sống chết đối với nước Nga.

> « Cách mạng đã làm cho nước Nga, về chế độ *chính trị*, trong vài tháng đã đuổi kịp các nước tiên tiến...
>
> « Nhưng như thế chưa đủ. Chiến tranh thật là tàn nhẫn, nó đặt vấn đề một cách gay gắt: hoặc là diệt vong, hoặc là cả về *mặt kinh tế* cũng phải đuổi kịp và vượt qua các nước tiên tiến...»
>
> « Hoặc là diệt vong, hoặc là mở hết tốc lực vượt lên trước. Lịch sử đã đặt vấn đề như thế đó » (1).

---

(1) Lê-nin : « Tai họa đe dọa và phương pháp chống lại nó ».

Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và nhất là sự tồn tại một nền đại công nghiệp tích tụ cao độ ở nước Nga (a), đủ cho cách mạng vô sản thắng lợi, cho chính quyền xô viết — chính quyền tiên tiến nhất trên thế giới lập lên. Nhưng muốn sáng tạo ra cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, muốn cải tạo nền nông nghiệp nhỏ lạc hậu theo chủ nghĩa xã hội, muốn nâng cao đời sống hạnh phúc của nhân dân, thì phải xóa bỏ tình trạng lạc hậu lâu đời của nước nhà về mặt kỹ thuật và kinh tế để lập lên một nền công nghiệp nặng lớn mạnh. Không có công nghiệp nặng phát đạt, thì nước Nga đã biến thành đất phụ thuộc nông nghiệp của các nước tư bản phát đạt hơn, đã mất độc lập và mất luôn cả mọi thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Với thắng lợi của cách mạng vô sản ở nước Nga, đã nảy ra mâu thuẫn giữa chính quyền tiên tiến nhất thế giới — chính quyền xô viết — và cơ sở kỹ thuật và kinh tế lạc hậu do quá khứ để lại. Chính quyền xô viết không thể duy trì được lâu dài trên cơ sở công nghiệp lạc hậu. Để khắc phục mâu thuẫn ấy, chính quyền xô viết phải thực hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô là một tất yếu lịch sử do lợi ích sống còn và cấp thiết của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi.

(a) Ở nước Nga: Nguyên bản Nga văn là: ở nước Nga trước cách mạng (*N. D.* dịch theo bản Hoa văn).

Nhận rõ tất yếu lịch sử ấy, Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết đã thực hành một chính sách quán triệt để công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu lần thứ XIV (năm 1925) của Đảng Cộng sản đặt vấn đề công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội thành nhiệm vụ trung tâm. Nghị quyết của Đại hội đại biểu vạch rằng :

> « Tổ chức kinh tế như thế nào cho Liên-xô từ một nước nhập khẩu máy móc và thiết bị, trở nên một nước sản xuất máy móc và thiết bị ; cho Liên-xô trong hoàn cảnh bị các nước tư bản bao vây, không thể trở nên đất phụ thuộc của kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, mà lập thành một đơn vị kinh tế độc lập, tự tổ chức theo phương thức xã hội chủ nghĩa » (1).

NHỊP ĐỘ CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Để hoàn thành nhiệm vụ căn bản là làm tốt việc cải tạo nước nhà theo chủ nghĩa xã hội và bảo vệ độc lập quốc gia, phải thực hiện công nghiệp hóa trong những thời hạn lịch sử rất ngắn.

Điều kiện bên ngoài và điều kiện bên trong của sự phát triển của Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đòi hỏi cần phải công nghiệp hóa theo *nhịp độ* nhanh.

---

(1) Xem « Nghị quyết của Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng Cộng sản (b) Liên-xô ».

Điều kiện bên ngoài của sự phát triển của Liên-xô là do sự bao vây của chủ nghĩa tư bản thù địch quyết định. Các nước đế quốc có cơ sở công nghiệp lớn mạnh hơn, chúng muốn tiêu diệt hay ít ra là làm yếu Nhà nước xô viết. Vấn đề nhịp độ phát triển công nghiệp sẽ không đặt ra gay gắt như vậy nếu Liên-xô cũng có nền công nghiệp phát đạt như các nước tư bản tiên tiến, hoặc nếu chuyên chính vô sản cũng được lập lên trong các nước khác phát đạt hơn về mặt công nghiệp. Nhưng Liên-xô là một nước lạc hậu về kỹ thuật và kinh tế, lại là nước duy nhất có chuyên chính vô sản. Do đó cần phải nhanh chóng lập ra cơ sở công nghiệp tiên tiến.

Điều kiện bên trong của sự phát triển của Liên-xô cũng đòi hỏi cần phải công nghiệp hóa với nhịp độ nhanh. Chừng nào nước Xô viết còn là nước tiểu nông, thì ở đó chủ nghĩa tư bản còn có cơ sở kinh tế vững vàng hơn chủ nghĩa xã hội. Để quyết định vấn đề «ai thắng ai», cần phải, trong những thời hạn lịch sử rất ngắn, trên cơ sở lao động tập thể được trang bị bằng kỹ thuật tiên tiến, cải tạo kinh tế nông dân tư hữu phân tán nhỏ nhặt, làm cho chủ nghĩa tư bản mất căn cứ của nó trong nền tiểu sản xuất hàng hóa. Chỉ có gấp rút phát triển công nghiệp nặng thì nhiệm vụ trên đây mới có thể hoàn thành.

Khi chứng minh tính tất yếu lịch sử về nhịp độ nhanh của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Sta-lin nói:

> «So với các nước tiên tiến, chúng ta chậm từ 50 đến 100 năm. Chúng ta phải vượt khoảng ấy

trong 10 năm. Hoặc chúng ta sẽ vượt được, hoặc chúng ta sẽ bị nghiến nát » (1).

Tính ưu việt của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của phương pháp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa cho phép công nghiệp hóa nước nhà theo nhịp độ nhanh.

Từ năm 1929 đến năm 1937, nhịp độ tăng trung bình hàng năm của sản lượng công nghiệp Liên-xô là chừng 20% ; trong thời gian ấy, mức tăng trung bình hàng năm của sản lượng công nghiệp các nước tư bản là 0,3%. Nhịp độ tăng của công nghiệp Liên-xô nhanh gấp nhiều lần nhịp độ tăng của công nghiệp các nước tư bản chủ yếu trong thời kỳ phát triển nhanh nhất của các nước ấy. Thí dụ : mức tăng trung bình hàng năm của sản lượng công nghiệp nước Mỹ như sau : từ năm 1890 đến năm 1895 là 8,2%, từ năm 1895 đến năm 1900 là 5,2%, từ năm 1900 đến năm 1905 là 2,6%, từ năm 1905 đến năm 1910 là 3,6%.

PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. NGUỒN VỐN CẦN CHO CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐÂU MÀ CÓ ?

Chỉ có dùng *phương pháp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* dựa trên cơ sở những quy luật kinh tế mới của chủ nghĩa xã hội thì mới có thể thực hiện được công nghiệp hóa nước nhà trong những thời hạn lịch sử ngắn nhất.

Ở các nước tư bản, công nghiệp hóa thường bắt đầu bằng phát triển công nghiệp nhẹ. Chỉ sau

---

(1) Sta-lin : « Nhiệm vụ của những người lãnh đạo công nghiệp ».

một thời gian khá dài thì mới đến lượt công nghiệp nặng.

Nước Xô viết không thể đi con đường ấy, nó có thể làm nguy hại cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, có thể làm cho Liên-xô biến thành thuộc địa của các nước đế quốc. Đảng Cộng sản bỏ con đường công nghiệp hóa theo phương pháp tư bản chủ nghĩa, và chủ trương công nghiệp hóa nước nhà bằng cách trước tiên phát triển công nghiệp nặng.

Công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa thực hiện một cách vô chính phủ. Nó là kết quả của sự theo đuổi lợi nhuận tư bản chủ nghĩa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thực hiện trong khuôn khổ quy luật phát triển nhịp nhàng của kinh tế quốc dân, để xây dựng chủ nghĩa xã hội, để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của những người lao động. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không thể thực hiện được nếu quy luật giá trị có tác dụng điều tiết sản xuất trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Theo đúng kế hoạch, Nhà nước xô viết phân phối lao động và tư liệu sản xuất giữa các ngành theo những tỷ lệ do sự cần thiết phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà quy định, tỷ lệ ấy đảm bảo cho công nghiệp nặng được phát triển ưu tiên với nhịp độ nhanh. Trong hai kế hoạch 5 năm thứ nhất và thứ hai, Nhà nước xô viết không đem phần chủ yếu của vốn bỏ vào công nghiệp nhẹ mặc dù công nghiệp nhẹ có lãi hơn, mà bỏ vào các xí nghiệp công nghiệp nặng mà sự xây dựng có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của chủ nghĩa

xã hội. Hệ thống tài chính, tín dụng, ngoại thương đều phục vụ cho công nghiệp hóa.

Công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa làm cho giai cấp công nhân và nông dân bị bóc lột, bị nghèo khổ thêm, đào sâu hố ngăn cách thành thị với nông thôn, khiến nhân dân thuộc địa bị nô dịch. Thích hợp với yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đảm bảo cơ sở vật chất cho sản xuất tăng lên không ngừng trên cơ sở kỹ thuật cao, dẫn đến chỗ tiêu diệt hiện tượng thất nghiệp và nâng cao tiền lương thực tế của công nhân. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở cho nông nghiệp tiến bộ, làm cho đời sống hạnh phúc của nông dân được nâng cao, làm cho thành thị và nông thôn gần gũi nhau, làm cho liên minh công nông được củng cố. Đảng Cộng sản bác bỏ quan điểm thù nghịch của bọn Tờ-rốt-sky, chúng đề nghị tiến hành công nghiệp hóa bằng cách làm cho nông dân phá sản và do đó, nhằm phá hoại liên minh của giai cấp công nhân với nông dân. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhân tố lớn mạnh để phát triển kinh tế và văn hóa của những khu vực dân tộc thiểu số vốn lạc hậu trước kia.

Phương pháp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không ngừng mở rộng thị trường trong nước, do đó mà đặt cơ sở vững vàng ở trong nước cho sự phát triển của công nghiệp.

Vì những lẽ trên, công nhân và nông dân trực tiếp quan tâm đến công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa một nước trước kia lạc hậu như nước Nga là một việc khó khăn, bởi vì công

cuộc xây dựng công nghiệp nặng lớn mạnh đòi hỏi những chi phí lớn lao về vật lực và tài lực.

Trong việc công nghiệp hóa của các nước tư bản, ngoài sự bóc lột tàn nhẫn công nhân và nông dân ra, việc hút vốn từ ngoài vào bằng cách cướp đoạt thuộc địa, lấy bồi thường chiến tranh, vay những món nợ có tính chất nô dịch của nước ngoài và tô nhượng quyền kinh doanh, có một tác dụng chủ yếu. Phương pháp động viên vốn để xây dựng công nghiệp như thế không phù hợp với nguyên tắc của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nước Xô viết phải tìm thấy ở trong nước số vốn cần thiết cho việc xây dựng công nghiệp nặng, dựa vào tài nguyên trong nước, dùng phương pháp tích lũy xã hội chủ nghĩa một cách có kế hoạch, chứ không dựa vào những món nợ có tính chất nô dịch của nước ngoài. *Tích lũy xã hội chủ nghĩa* là sử dụng một phần thu nhập quốc dân để mở rộng sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Để tích lũy vốn cần thiết cho việc xây dựng những nhà máy mới, phải thực hành tiết kiệm gắt gao. Lê-nin đã từng nói rằng chúng ta phải tiết kiệm về mọi mặt, bởi vì:

> «chúng ta biết rằng nếu không cứu vãn công nghiệp nặng, nếu không khôi phục nó thì chúng ta sẽ không thể xây dựng được bất cứ công nghiệp nào, mà không có công nghiệp thì nói chung chúng ta sẽ chẳng còn là nước độc lập» (1).

---

(1) Lê-nin: «Năm năm Cách mạng Nga và tiền đồ cách mạng thế giới». (Báo cáo tại Đại hội đại biểu lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản).

Sở dĩ Nhà nước xô viết làm tròn được nhiệm vụ khó khăn tập hợp vốn cần thiết cho công nghiệp hóa, là vì đã khéo lợi dụng tính ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Do tước đoạt địa chủ và tư bản, mà có thể bỏ vào công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa một phần rất lớn của cải trước kia bị bọn bóc lột chiếm hữu để dùng vào những việc tiêu pha có tính chất ăn bám. Chính quyền xô viết làm cho nước nhà hàng năm khỏi phải trả lãi cho những món nợ mà Sa hoàng vay của nước ngoài và trả lãi cổ phần cho bọn tư bản nước ngoài đã đầu tư vào nước Nga. Trước cách mạng, số tiền trả cho các khoản đó hàng năm lên tới từ 800 đến 900 triệu rúp vàng.

Nông dân Liên-xô không còn phải nộp địa tô cho địa chủ, không còn phải trả những món nợ lớn mà họ mắc của ngân hàng, họ thấy có lợi trong việc phát triển công nghiệp và có thể đem một phần của cải của mình bỏ vào việc phát triển công nghiệp.

Nguồn vốn quan trọng nhất để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là thu nhập của công nghiệp quốc hữu hóa, mậu dịch đối ngoại, thương nghiệp quốc doanh trong nước và ngân hàng; công nghiệp xã hội chủ nghĩa càng phát triển thì sự quan trọng của các nguồn vốn đó càng tăng.

Về mặt làm cho tích lũy tăng lên, công nghiệp xã hội chủ nghĩa hơn hẳn công nghiệp tư bản chủ nghĩa một cách không thể chối cãi. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa là nền công nghiệp thống nhất trong phạm vi toàn quốc, lớn nhất, tích tụ nhất, không bị ảnh hưởng của quy luật cạnh tranh và

sản xuất vô chính phủ. Sự lãnh đạo công nghiệp một cách có kế hoạch, việc sử dụng hợp lý tài nguyên của công nghiệp, tính sáng tạo của giai cấp công nhân trong lao động, sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật, tất cả những cái đó tạo ra điều kiện để nâng cao không ngừng năng suất lao động. Do đó, công nghiệp xã hội chủ nghĩa có thể hạ thấp không ngừng *giá thành* của sản phẩm, tức là số chi tiêu bằng tiền mà xí nghiệp dùng để sản xuất và hoàn thành sản xuất.

Một trong những tính ưu việt lớn của kinh tế xã hội chủ nghĩa so với kinh tế tư bản chủ nghĩa là đem tiền tích lũy của xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, cùng tiền để dành của nhân dân tập trung vào cơ quan tín dụng Nhà nước, là dùng một cách có kế hoạch các món tiền ấy để phát triển công nghiệp. Nhà nước xô viết đảm bảo việc sử dụng hợp lý vốn tích lũy để thỏa mãn nhu cầu chủ yếu của công nghiệp hóa. Nhà nước xô viết thực hành chế độ tiết kiệm gắt gao, ra sức tinh giản và giảm bớt chi phí của bộ máy Nhà nước cùng bộ máy hợp tác xã, làm cho nguyên tắc hạch toán kinh tế được hoàn toàn thực hiện, củng cố kỷ luật tài chính, tăng cường đấu tranh chống lãng phí tài sản công cộng.

Tất cả những nguồn tích lũy trong nước ấy đem lại hàng ngàn triệu rúp để công nghiệp hóa nước nhà, khiến Nhà nước có thể bỏ vốn rất lớn vào công nghiệp, nhất là vào công nghiệp nặng.

Như vậy là chính quyền xô viết đã khắc phục một cách có kết quả những khó khăn về mặt tích lũy vốn cần thiết để công nghiệp hóa nước nhà.

Phương pháp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm cho nước nhà tranh thủ được nhiều thời gian, vì nó đảm bảo cho một nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa bậc nhất được lập lên trong một thời hạn rất ngắn và phát triển theo những nhịp độ nhanh.

CÔNG TRÌNH KIẾN THIẾT CƠ BẢN. VIỆC TINH THÔNG KỸ THUẬT MỚI VÀ VẤN ĐỀ CÁN BỘ

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhiều công trình kiến thiết cơ bản lớn, những công trình này tiến hành ở Liên-xô một cách đại quy mô. Bộ phận chủ yếu của những công trình ấy là xây dựng lên những xí nghiệp mới, nó nuốt hơn một nửa số vốn bỏ vào công nghiệp.

Do hoàn cảnh lịch sử trong đó phát triển nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên nên đặc điểm của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô là cần phải xây dựng *tất cả* các ngành chủ yếu của công nghiệp nặng trong một thời gian hết sức ngắn. Hàng chục ngành công nghiệp hiện đại không có ở nước Nga trước Cách mạng đã được lập lên ở Liên-xô trong thời gian những kế hoạch 5 năm trước chiến tranh, như công nghiệp ô-tô và công nghiệp máy kéo, ngành chế tạo máy dụng cụ, nhiều ngành sản xuất thuộc công nghiệp hóa học, ngành chế tạo máy bay, ngành sản xuất máy nông nghiệp hiện đại, sản xuất thép tốt v.v... Vốn cố định của những ngành chủ yếu của công nghiệp nặng hầu như đã được hoàn toàn đổi mới trong khoảng thời gian rất ngắn.

Để xây dựng những xí nghiệp mới và xây dựng lại những xí nghiệp cũ, người ta đã sử dụng rộng rãi thành tựu của kỹ thuật thế giới hiện đại. Các xí nghiệp công nghiệp mới được trang bị bằng máy móc, máy dụng cụ, khí cụ tiên tiến nhất. Quá trình cải tạo về kỹ thuật bao gồm tất cả các ngành công nghiệp.

Kết quả của tất cả những điều nói trên là trong thời gian những kế hoạch 5 năm trước chiến tranh, đã xây dựng lên một nền công nghiệp hùng hậu trang bị bằng kỹ thuật hiện đại.

Trong kế hoạch 5 năm đầu tiên (1929 — 1932) số vốn bỏ vào công nghiệp (tính theo giá hiện tại) lên tới 35.100 triệu rúp, trong đó 30.100 triệu rúp bỏ vào công nghiệp nặng; trong kế hoạch 5 năm thứ hai (1933 — 1937) số vốn bỏ vào công nghiệp lên tới 82.800 triệu rúp, trong đó 69.100 triệu rúp bỏ vào công nghiệp nặng. Trong 3 năm rưỡi của kế hoạch 5 năm thứ 3 (từ 1938 đến 6 tháng đầu năm 1941), số vốn bỏ vào công nghiệp lên tới 81.600 triệu rúp, trong đó 70.300 triệu rúp bỏ vào công nghiệp nặng.

Trong toàn bộ công nghiệp, vốn sản xuất cố định (nhà xưởng và kiến trúc, máy móc và thiết bị) trong năm 1937 vượt mức năm 1928 đến 450%, về các ngành sản xuất tư liệu sản xuất thì vượt quá 600%.

Trong thời gian các kế hoạch 5 năm, hàng nghìn nhà máy và công xưởng được xây dựng lên và đã hoạt động. Trong đó có hàng chục xí nghiệp công nghiệp xã hội chủ nghĩa hạng lớn: các xưởng liên hợp luyện kim Ma-gơ-ni-tô-goóc và Cu-dơ-nét, nhà máy thủy điện Đơ-ni-ép, các xưởng chế tạo máy kéo Sta-lin-gờ-rát và Khắc-cốp, các xưởng ô-tô ở Mạc-tư-khoa và Gooóc-ky, xưởng chế tạo máy móc hạng nặng ở U-ran và Cơ-ra-ma-toóc, xưởng làm vòng bi ở Mạc-tư-khoa, các xưởng liên hợp hóa học ở Sta-li-nô-goóc, Xô-li-cam và Bê-rê-dô-ni-ki và nhiều xí nghiệp khác. Các xí nghiệp mới từ nay cung

cấp phần lớn nhất của sản lượng công nghiệp. Từ năm 1937, trên 80% sản lượng công nghiệp do các xí nghiệp mới thiết lập hoặc sửa chữa lại trong hai kế hoạch 5 năm đầu cung cấp.

Việc lập ra một số lớn xí nghiệp trang bị bằng kỹ thuật tiên tiến nhất đề ra một nhiệm vụ mới, khó khăn: cung cấp cho công nghiệp công nhân lành nghề và chuyên gia có thể nắm vững và lợi dụng triệt để kỹ thuật ấy. Phải đào tạo hàng loạt cán bộ trong thời gian ngắn.

Vấn đề cung cấp nhân công cho công nghiệp xã hội chủ nghĩa được giải quyết một cách khác không giống như dưới chế độ tư bản, ở đây số nhân công tăng lên chủ yếu là lấy ở đội quân thất nghiệp hậu bị. Ở Liên-xô ngay trong thời gian kế hoạch 5 năm đầu tiên, vào cuối năm 1930, nạn thất nghiệp đã hoàn toàn bị quét sạch. Nguồn cung cấp cán bộ cho công nghiệp chỉ có thể là do dân số thành thị tăng lên một cách tự nhiên và nhân công dự trữ ở nông thôn, dự trữ này có được là do nông nghiệp được trang bị bằng kỹ thuật mới và năng suất lao động được nâng cao.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nâng cao một cách có hệ thống trình độ thành thạo của công nhân. Ngay trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ nhất, người ta đã tổ chức trên một quy mô lớn việc đào tạo công nhân lành nghề tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp trong nhà máy, công xưởng và tại các lớp học nghề. Việc Nhà nước xô viết tổ chức đào tạo cán bộ một cách có kế hoạch và sự quan tâm của quần chúng công nhân nâng cao sản xuất xã hội, làm cho quá trình

tinh thông kỹ thuật mới được nhanh chóng và dễ dàng. Như vậy là đã tạo ra điều kiện để tăng nhanh chóng năng suất lao động.

Vấn đề đào tạo cán bộ mới có trình độ kỹ sư và nhân viên kỹ thuật đặt ra hết sức khẩn trương. Giai cấp công nhân phải đào tạo lấy những phần tử trí thức của mình có khả năng phục vụ lợi ích của nhân dân, có khả năng tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian các kế hoạch 5 năm thứ nhất và thứ hai, Nhà nước xô viết đã làm rất nhiều việc để đảm bảo đào tạo cán bộ cho công nghiệp và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân trong các trường cao đẳng và các trường kỹ thuật.

Trong thời gian từ năm 1928 đến năm 1937, số công nhân viên của đại công nghiệp từ 3 triệu 80 vạn tăng lên 10 triệu 10 vạn, tức là tăng 170%. Số công nhân lành nghề sử dụng máy móc tối tân tăng nhanh hơn tổng số giai cấp công nhân rất nhiều. Từ năm 1926 đến năm 1939 số thợ tiện tăng gấp 6, 8 lần, thợ phay tăng gấp 13 lần, v.v... ; số kỹ sư tăng gấp 7, 7 lần.

LIÊN-XÔ TỪ NƯỚC NÔNG NGHIỆP LẠC HẬU TRỞ NÊN CƯỜNG QUỐC CÔNG NGHIỆP TIÊN TIẾN

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô sở dĩ có thể thắng lợi được là vì Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết, trong chính sách của mình, đã dựa vào quy luật phát triển kinh tế, và khéo lợi dụng tính ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những công trình xây dựng công nghiệp đại quy

mô đã được tiến hành nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày một tăng của những người lao động. Cương lĩnh công nghiệp hóa nước nhà thể hiện trong mấy kế hoạch 5 năm, các kế hoạch ấy vạch cho nhân dân Liên-xô những triển vọng sáng sủa và động viên những người lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự quan tâm của quần chúng đối với phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa, tính chất mới của lao động và việc nâng cao trình độ văn hóa kỹ thuật của công nhân, biểu hiện ở sự phát huy của tính tích cực và tính sáng tạo của giai cấp công nhân. Trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ nhất, đã mở ra cuộc *thi đua xã hội chủ nghĩa* có tính chất quần chúng để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Sự xuất hiện phong trào Sta-kha-nốp đánh dấu kế hoạch 5 năm thứ hai. Với việc công nhân nắm được kỹ thuật hiện đại bậc nhất, phong trào Sta-kha-nốp lật đổ định ngạch kỹ thuật cũ quá thấp, thay bằng định ngạch cao hơn. Phong trào Sta-kha-nốp là một giai đoạn mới của thi đua xã hội chủ nghĩa. Cuộc thi đua của quần chúng công nhân đông đảo tỏ rõ tác dụng tiến bộ của quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, coi như là nhân tố chủ yếu và quyết định làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Thi đua xã hội chủ nghĩa phát hiện ra những khả năng lớn lao để nâng cao năng suất lao động và tăng nhanh nhịp độ công nghiệp hóa. Chính nhờ mở rộng thi đua xã hội chủ nghĩa mà các kế hoạch 5 năm thứ nhất và thứ hai đã có thể hoàn thành trước thời hạn.

Việc áp dụng triệt để quy luật kinh tế phân phối theo lao động, quy luật dung hòa lợi ích vật chất của cá nhân người lao động với lợi ích của sản xuất xã hội, đã có tác dụng quan trọng trong cuộc đấu tranh để công nghiệp hóa nước nhà. Việc trả công lao động theo số lượng và chất lượng lao động thúc đẩy năng suất lao động tăng lên, thúc đẩy người làm việc nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình và cải tiến phương pháp sản xuất.

Sự thực hiện cương lĩnh công nghiệp hóa đã thay đổi tỷ lệ giữa công nghiệp và nông nghiệp: sản xuất nông nghiệp tăng lên, nhưng sản xuất công nghiệp còn tăng nhanh hơn nhiều, do đó, tỷ số sản lượng công nghiệp trong tổng sản lượng toàn quốc tăng vọt lên. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa trở nên lực lượng quyết định của nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ giữa công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng cũng thay đổi. Sản xuất tư liệu sản xuất chiếm ưu thế trong tổng sản lượng công nghiệp, từ nay nó đóng vai trò quyết định trong sự phát triển công nghiệp và kinh tế nước nhà. Ngành chế tạo máy móc của Liên-xô đã phát triển đến trình độ có thể sản xuất ra bất cứ máy móc gì. Về mặt kỹ thuật và kinh tế, Liên-xô đã trở nên độc lập, không lệ thuộc vào các nước tư bản.

Từ năm 1913 đến năm 1940, sản lượng đại công nghiệp ở Liên-xô đã tăng gần 12 lần. Ngay sau khi kế hoạch 5 năm thứ hai kết thúc, về sản lượng công nghiệp, Liên-xô chiếm địa vị thứ nhất ở châu Âu và thứ nhì trên thế giới. Liên-xô đứng bậc nhì về mặt vận tải đường sắt,

Tỷ số đại công nghiệp trong tổng sản lượng của đại công nghiệp và nông nghiệp, từ 42,1% năm 1913 tăng lên đến 77,4% năm 1937. Năm 1913, phần tư liệu sản xuất chiếm 33,3% trong tổng sản lượng công nghiệp; năm 1940, nó chiếm hơn 60%. Khi sắp bắt đầu kế hoạch 5 năm thứ nhất, Liên-xô nhập khẩu chừng một phần ba tổng số máy móc trong nước. Năm 1932 nhập khẩu không đến 13% và năm 1937 thì chỉ có 0,9%. Liên-xô không những thôi nhập khẩu của các nước tư bản ô-tô, máy kéo, máy móc nông nghiệp và các máy móc khác, mà còn bắt đầu xuất khẩu các thứ máy móc đó.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp Liên-xô đảm bảo cho các xí nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế trong sản xuất công nghiệp. Năm 1924—1925, phần của kinh tế tư doanh trong sản lượng công nghiệp là 20,7%. Việc hoàn thành kế hoạch 5 năm thứ hai đã tiêu diệt hẳn công nghiệp tư doanh. Trong công nghiệp Liên-xô không còn hệ thống nào khác ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đã nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của những người lao động. Việc sáng lập ra công nghiệp nặng đặt cơ sở cho việc cải tạo kỹ thuật và phát triển mạnh mẽ các ngành sản xuất vật phẩm tiêu dùng: nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ hai, vốn bỏ vào công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng tăng gấp ba so với kế hoạch 5 năm thứ nhất.

Trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, *sự bố trí* công nghiệp đã thay đổi một cách sâu sắc. Ở miền Đông nước nhà: U-ran, Tây Xi-bê-ri, Ca-dắc-tăng, đã lập lên những căn cứ công

nghiệp mới, bậc nhất. Cùng với sự thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thành phố cũ được mở rộng và *thành phố mới* được lập lên. Trong toàn quốc, nhất là ở miền Đông, người ta thấy xuất hiện nhiều thành phố lớn và trung tâm công nghiệp quan trọng, những thành phố và trung tâm công nghiệp ấy trở nên những trung tâm kinh tế và văn hóa, làm thay đổi cả đời sống của các khu vực chung quanh.

Do thực hiện cương lĩnh công nghiệp hóa, Liên-xô từ nước nông nghiệp lạc hậu trước kia đã trở nên một *cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa* lớn mạnh. Cơ sở công nghiệp vững mạnh được lập lên như vậy đã tạo điều kiện cho việc cải tạo về kỹ thuật toàn bộ kinh tế quốc dân, tăng cường lực lượng quốc phòng của Liên-xô, nâng cao không ngừng đời sống hạnh phúc của nhân dân. Mâu thuẫn giữa chính quyền tiên tiến nhất thế giới với cơ sở kỹ thuật kinh tế lạc hậu do quá khứ để lại, đã bị tiêu trừ.

Thế là trong thời gian mấy kế hoạch 5 năm trước chiến tranh, lực lượng sản xuất của công nghiệp xã hội chủ nghĩa đã phát triển một cách mãnh liệt. Trong 13 năm trước chiến tranh, Liên-xô đã đi hết con đường mà các nước tư bản phát đạt phải mất một thời gian độ gấp mười lần nhiều hơn thì mới đi hết. Đó là bước nhảy vọt vĩ đại từ lạc hậu tới tiến bộ mà lịch sử chưa từng thấy. Nếu quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa không thay thế quan hệ sản xuất cũ tư bản chủ nghĩa thì lực lượng sản xuất của Liên-xô sẽ không thể có sự phát triển lớn lao.

Để giành thắng lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa ở Liên-xô, Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết phải đấu tranh khắc phục những khó khăn to lớn, khó khăn do sự lạc hậu của kinh tế nước nhà, do sự phản kháng kịch liệt của các yếu tố tư bản chủ nghĩa đang bị tiêu diệt, và do sự bao vây của chủ nghĩa tư bản thù địch gây ra. Đảng Cộng sản đã đảm bảo thắng lợi cho chính sách công nghiệp hóa nước nhà chống lại những kẻ thù nguy hại nhất của chủ nghĩa xã hội, bọn Tờ-rốt-sky và Bu-kha-rin; bọn này, để đối lập lại với đường lối chung công nghiệp hóa của Đảng đã đưa ra chính sách nhằm biến nước Xô viết thành vật phụ thuộc nông nghiệp của các nước đế quốc mà mưu đẩy Liên-xô vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Liên-xô có một ý nghĩa quốc tế lớn lao. Từ một nước lạc hậu trước kia, nhanh chóng trở nên một nước công nghiệp lớn mạnh, điều đó chứng minh một cách không thể chối cãi được tính ưu việt của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa và tăng cường địa vị quốc tế của Liên-xô. Đến lượt các nước dân chủ nhân dân tiến theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, hiện nay đang sử dụng kinh nghiệm công nghiệp hóa của Liên-xô.

Trong mỗi nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá trình công nghiệp hóa thay đổi theo điều kiện bên trong và bên ngoài. Là nước đầu tiên và trong một thời gian dài là nước duy nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh bị các cường

quốc tư bản thù địch bao vây, Liên-xô phải lập lên công nghiệp nặng, với tất cả các ngành chủ yếu của nó, trong những thời hạn lịch sử rất ngắn và chỉ dựa vào tài nguyên trong nước. Điều đó giải thích tại sao công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô đã gặp những khó khăn to lớn. Hiện nay các nước dân chủ nhân dân được hưởng những điều kiện thuận lợi hơn, bởi vì đã có phe dân chủ và xã hội chủ nghĩa lớn mạnh. Để xây dựng công nghiệp, các nước đó tính đến những đặc điểm của nước mình, kể cả điều kiện tự nhiên, tính đến tính chất hợp lý về kinh tế trong sự phát triển ngành này hay ngành khác, nhìn xa đến mọi thuận lợi bao hàm trong sự phân công rộng rãi giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và trong sự giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế giữa các nước ấy.

TÓM TẮT

1) Đại công nghiệp cơ khí là cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. Có công nghiệp nặng là điều có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bản chất của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là ở chỗ dựa vào nguồn tích lũy trong nước mà lập lên công nghiệp nặng lớn mạnh có khả năng cải tạo toàn bộ kinh tế quốc dân, kể cả nông nghiệp, trên cơ sở kỹ thuật hiện đại, có khả năng đảm bảo ưu thế tuyệt đối của các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự độc lập về kỹ thuật và kinh tế, củng lực lượng quốc phòng của nước nhà.

2) Phương pháp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa so với phương pháp tư bản chủ nghĩa có tính ưu việt quyết định, nó đảm bảo xây dựng ưu tiên một nền đại công nghiệp với nhịp độ nhanh. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tiến triển theo kế hoạch trong những thời hạn lịch sử rất ngắn; và nó thực hiện vì lợi ích của những người lao động. Việc quốc hữu hóa công nghiệp, ngân hàng, ngành vận tải, mậu dịch đối ngoại, tạo ra nguồn tích lũy mới chưa từng có dưới chế độ tư bản, có thể động viên nhanh chóng vốn cần thiết để lập lên công nghiệp nặng.

3) Nhà nước xô viết do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đã thực hiện thành công cương lĩnh công nghiệp hóa thể hiện trong các kế hoạch 5 năm, đó là vì Nhà nước xô viết, trong chính sách của mình, đã dựa vào quy luật kinh tế, dựa vào tính ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa, dựa vào nhiệt tình lao động của giai cấp công nhân và của toàn thể những người lao động. Trong thời gian các kế hoạch 5 năm trước chiến tranh, đã lập lên nền công nghiệp thiết bị bằng kỹ thuật hiện đại, nền công nghiệp ấy là cơ sở để cải tạo kỹ thuật cho toàn bộ kinh tế quốc dân, tăng cường lực lượng quốc phòng của nước nhà và nâng cao đời sống hạnh phúc của nhân dân. Liên-xô đã trở nên một nước công nghiệp cường thịnh độc lập đối với các nước khác, tự sản xuất ra mọi máy móc và thiết bị cần thiết. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa là lực lượng chủ yếu đã quyết định và đảm bảo sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP

TẤT YẾU LỊCH SỬ CỦA TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP. KẾ HOẠCH HỢP TÁC XÃ CỦA LÊ-NIN

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, không những phải công nghiệp hóa một nước, mà còn phải thực hiện việc cải tạo nông nghiệp nước ấy theo chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là một hệ thống kinh tế trong đó công nghiệp và nông nghiệp liên kết chặt chẽ đều dựa trên cơ sở chế độ sở hữa xã hội về tư liệu sản xuất và dựa trên lao động tập thể.

Việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ khó khăn nhất của cách mạng, sau khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền. Ở các nước tư bản sản xuất nông nghiệp chưa đạt tới trình độ xã hội hóa tư bản chủ nghĩa như công nghiệp, ở đấy khi cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra, công nghiệp đã có một nền sản xuất lớn, tập trung cao độ. Kinh tế tiểu nông phân tán chiếm ưu thế về số lượng. Chừng nào kinh tế cá thể nhỏ còn là hình thức chủ yếu của nền sản xuất nông nghiệp, thì vẫn còn có cơ sở cho chế độ kinh tế

tư sản ở nông thôn, và cũng còn cơ sở để giai cấp tư sản nông thôn bóc lột bần nông và một bộ phận lớn trung nông. Hệ thống tiểu sản xuất hàng hóa không thể giải thoát quần chúng nông dân khỏi nghèo khổ và áp bức.

Đối với quần chúng nông dân lao động, biện pháp duy nhất để thoát khỏi mọi ách bóc lột, nghèo khổ và phá sản, là đi vào con đường xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin gạt bỏ con đường tước đoạt những người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung và biến tư liệu sản xuất của họ thành sở hữu Nhà nước, coi đó là con đường sai lầm và tội lỗi, vì nó sẽ làm cho cách mạng vô sản không thể thắng lợi được và sẽ đẩy nông dân sang phe kẻ thù của giai cấp vô sản, trong một thời gian lâu dài. Ăng-ghen viết:

> «Khi chúng ta nắm được chính quyền, chúng ta không thể nghĩ đến việc tước đoạt tiểu nông bằng sức mạnh (mặc dù có bồi thường hay không), như chúng ta bắt buộc phải đối xử với bọn địa chủ. Nhiệm vụ của chúng ta đối với tiểu nông, trước hết là đưa sở hữu tư nhân và kinh doanh cá thể của họ vào kinh doanh hợp tác, không phải do cách bắt buộc họ, mà do cách dẫn họ tới con đường ấy bằng những thí dụ thực tế và làm cho họ được sự giúp đỡ của xã hội» (1).

Kế hoạch của Lê-nin để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa xuất phát từ chỗ giai cấp công nhân phải xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách liên minh với nông dân. Kế hoạch do Lê-nin vạch ra để đưa nông dân từ kinh doanh nhỏ, tư nhân vào kinh tế lớn xã hội chủ nghĩa bằng con đường

---

(1) Ăng-ghen: «Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức».

hợp tác, là một bộ phận khăng khít của toàn bộ kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế hoạch hợp tác xã của Lê-nin dựa trên cơ sở là dưới chuyên chính vô sản, hợp tác là biện pháp dễ hiểu nhất, có lợi nhất, và dễ tiếp thu nhất đối với hàng triệu nông dân để chuyển từ kinh tế cá thể phân tán tới liên hợp sản xuất lớn, tới kinh doanh tập thể. Điều kiện kinh tế thứ nhất để tập hợp đông đảo quần chúng nông dân thành hợp tác xã sản xuất, là phát triển bằng đủ mọi cách một nền đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa có thể tổ chức lại nông nghiệp trên cơ sở kỹ thuật hiện đại. Để thu hút nông dân tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải bắt đầu bằng những hình thức đơn giản nhất về hợp tác mua bán chung, quỹ tương trợ rồi chuyển dần lên hợp tác sản xuất, hợp tác nông trang tập thể. Việc nông dân tham gia hợp tác xã phải hoàn toàn tự nguyện. Hợp tác hóa kinh tế nông dân là hình thức đúng đắn duy nhất để kết hợp quyền lợi cá nhân của nông dân với quyền lợi Nhà nước, làm cho quần chúng nông dân tham gia việc xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Trong xã hội tư sản, tư liệu sản xuất thuộc kẻ bóc lột thì hợp tác là một hình thức kinh tế *tư bản chủ nghĩa*, hợp tác xã nông nghiệp đặt dưới quyền thống trị về kinh tế của giai cấp tư sản bóc lột quần chúng nông dân. Trong một chế độ xã hội mà chính quyền nắm trong tay người lao động và tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc quyền sở hữu của Nhà nước vô sản, thì hợp tác là một hình thức kinh tế *xã hội chủ nghĩa*.

« Chế độ những xã viên hợp tác xã văn minh, khi tư liệu sản xuất thuộc về xã hội và về giai cấp, giai cấp vô sản đã chiến thắng giai cấp tư sản, thì tức là chế độ xã hội chủ nghĩa » (1).

Xuất phát từ những tác phẩm của Lê-nin, Stalin đã đề ra và phát triển một số những luận điểm mới về vấn đề cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế của thời kỳ quá độ, với nhiều thành phần gồm có : một mặt là đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa, dựa trên chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, mặt khác là kinh tế tiểu nông dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Đại công nghiệp được trang bị dồi dào bằng thiết bị tiên tiến, còn kinh tế tiểu nông tư hữu thì dựa trên một nền kỹ thuật nguyên thủy và lao động thủ công. Đại công nghiệp phát triển với nhịp độ nhanh, theo nguyên tắc tái sản xuất mở rộng, còn kinh tế tiểu nông thì nói chung chẳng những không phải năm nào cũng thực hiện được tái sản xuất mở rộng mà còn không phải lúc nào cũng có thể tiến hành tái sản xuất giản đơn. Đại công nghiệp được tập trung trong phạm vi toàn quốc và do kế hoạch Nhà nước chỉ đạo, còn kinh tế tiểu nông thì phân tán và chịu ảnh hưởng tinh chất vô chính phủ của thị trường. Đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa *tiêu diệt* những yếu tố tư bản chủ nghĩa, còn kinh tế hàng hóa nhỏ thì lại không ngừng *sinh ra* rất nhiều yếu tố tư bản mới. Nhà nước xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

---

(1) Lê-nin : « Bàn về hợp tác ».

không thể dựa trên hai cơ sở *khác nhau* trong một thời kỳ tương đối dài: công nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn nhất và tích tụ nhất và kinh tế tiểu nông sản xuất hàng hóa phân tán nhất và lạc hậu nhất. Nếu dựa trên cơ sở đó thì cuối cùng sẽ đi tới chỗ làm cho toàn bộ kinh tế quốc dân tan rã.

Vì vậy, trong kinh tế của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, không thể tránh được mâu thuẫn giữa đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa và kinh tế tiểu nông. Mâu thuẫn ấy chỉ có thể giải quyết bằng cách đưa kinh tế tiểu nông vào con đường đại nông nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Ở Liên-xô sự phát triển của công nghiệp xã hội chủ nghĩa và sự tăng thêm nhân khẩu ở thành thị trong thời kỳ quá độ đi đôi với sự tăng thêm nhanh chóng nhu cầu nông phẩm. Nhưng nhịp độ phát triển của nông nghiệp thua xa nhịp độ phát triển của công nghiệp. Ngành chính của nông nghiệp là sản xuất ngũ cốc tiến hết sức chậm. Kinh tế tiểu nông, là nguồn cung cấp chính về lúa mì hàng hóa, thì bản thân nó lại có tính chất nửa tự cấp tự túc và chỉ cung cấp cho thị trường một phần mười toàn bộ thu hoạch ngũ cốc. Mặc dầu năm 1926, diện tích gieo giống và thu hoạch ngũ cốc đã gần đạt mức trước chiến tranh, mức sản xuất lúa mì hàng hóa cũng mới chỉ bằng một nửa mức năm 1913. Kinh doanh tiểu nông đã không thỏa mãn được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân về thực phẩm và của công nghiệp về nguyên liệu.

Có hai con đường để chuyển lên kinh doanh lớn trong nông nghiệp: con đường tư bản chủ

nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa. Con đường *tư bản chủ nghĩa* có nghĩa là sự xuất hiện và sự phát triển trong nông nghiệp những kinh doanh lớn tư bản chủ nghĩa dựa trên sự bóc lột lao động làm thuê, kết quả tất nhiên của nó là sự nghèo khổ và sự phá sản của quần chúng nông dân lao động. Con đường *xã hội chủ nghĩa*, là con đường tập hợp những kinh doanh tiểu nông thành kinh doanh tập thể lớn được trang bị bằng kỹ thuật tiên tiến, giải phóng nông dân khỏi bọn bóc lột, khỏi nghèo khổ, và đảm bảo mức sống vật chất và văn hóa của họ tăng lên không ngừng. Không có một con đường nào khác nữa.

Việc chuyển từ kinh doanh tiểu nông cá thể sang kinh doanh lớn xã hội chủ nghĩa không thể thực hiện một cách tự phát. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nông thôn tự nó đi theo thành thị vì kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thành thị và kinh doanh tiểu nông ở nông thôn về căn bản đều là những hình thức kinh tế cùng một loại, cả hai đều dựa trên chế độ tư hữu tư liệu sản xuất. Dưới nền chuyên chính của giai cấp công nhân, tiểu nông ở nông thôn không thể tự phát đi theo thành thị xã hội chủ nghĩa. Lê-nin nói khuynh hướng *tư bản chủ nghĩa và hàng hóa* của nông dân, tức là khuynh hướng đối lập với khuynh hướng *xã hội chủ nghĩa* của giai cấp vô sản.

Thành thị xã hội chủ nghĩa dìu dắt tiểu nông theo nó. Những kinh doanh lớn xã hội chủ nghĩa được tổ chức trong nông nghiệp. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa cung cấp cho nông thôn thiết bị máy

mốc tiên tiến. Đồng thời, cán bộ học tập sử dụng kỹ thuật mới được đào tạo ra. Trong nông nghiệp xuất hiện những lực lượng sản xuất mới, với những lực lượng sản xuất này, quan hệ sản xuất cũ của kinh tế tiểu nông không thích hợp nữa. Quy luật quan hệ sản xuất và tính chất lực lượng sản xuất nhất định phải thích hợp dẫn tới sự tất yếu phải thiết lập ở nông thôn những quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, mở rộng đường phát triển cho lực lượng sản xuất. Những quan hệ sản xuất ấy chỉ có thể thiết lập lên bằng cách tập hợp các kinh doanh nhỏ cá thể lại thành kinh doanh lớn tập thể.

Muốn cho sản xuất xã hội chủ nghĩa có thể đạt tới mục đích của nó, tức là muốn cho nó có thể thỏa mãn được nhu cầu luôn luôn tăng thêm của xã hội, phải có một nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa có năng suất cao, đủ để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và thực phẩm cho nhân dân. Do đó điều kiện cần thiết để thỏa mãn yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng nhất của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thỏa mãn những lợi ích thiết thân và căn bản của nông dân, là tập thể hóa nông nghiệp.

Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải xóa bỏ sự chênh lệch giữa sự phát triển của công nghiệp và sự phát triển của nông nghiệp, phải tạo ra nền sản xuất lớn tập thể trong nông nghiệp, bên cạnh nền đại công nghiệp, điều đó biểu hiện yêu cầu của quy luật phát triển nhịp nhàng, cân đối của kinh tế quốc dân.

Do đó, việc liên hợp dần dần từng bước những kinh doanh tiểu nông thành hợp tác xã sản xuất có thiết bị tiên tiến, là một tất yếu khách quan trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết đã nhận thức rõ tập thể hóa là một tất yếu lịch sử, đã gạt bỏ con đường phát triển nông nghiệp theo chủ nghĩa tư bản, vì nó tai hại cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và đã chọn lấy con đường xã hội chủ nghĩa. Do đó mà Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết đã thi hành một chính sách quán triệt về tập thể hóa nông nghiệp. Đại hội lần thứ XV của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô (1927) đã thừa nhận :

> « Cần phải xác định nhiệm vụ cấp thiết nhất là chuyển dần từng bước những kinh doanh nông dân phân tán sang sản xuất lớn (tập thể cày cấy ruộng đất trên cơ sở thâm canh và cơ giới hóa nông nghiệp) nhờ sự hợp tác của nông dân ngày càng được đẩy mạnh, bằng cách dùng mọi biện pháp giúp đỡ và khuyến khích sự phát triển của những mầm non trong lao động nông nghiệp xã hội hóa » (1).

Lịch sử xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô đã chứng minh rằng con đường tập hợp các kinh doanh nông dân thành hợp tác xã sản xuất là hoàn toàn đúng. Sau khi thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân, con đường phát triển ấy là con đường duy nhất có thể đưa đến thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong tất cả những nước có một giai cấp tiểu và trung nông tương đối đông đảo.

---

(1) Nghị quyết Đại hội thứ XV Đảng Cộng sản (b) Liên-xô.

TIỀN ĐỀ CỦA VIỆC TẬP THỂ HÓA TOÀN BỘ

Nhiệm vụ lịch sử vĩ đại tập thể hóa hàng triệu kinh doanh tiểu nông đòi hỏi phải được chuẩn bị trước. Nếu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị điều kiện vật chất cho việc cải tạo công nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, thì trong nông nghiệp, những điều kiện ấy phần lớn phải được tạo ra trong thời kỳ quá độ.

Chính sách kinh tế của Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết ở nông thôn trước khi tập thể hóa toàn bộ là nhằm giúp đỡ các tầng lớp bần nông và trung nông bằng mọi phương sách có thể thực hiện được, và nhằm hạn chế mạnh tâm bóc lột của giai cấp tư sản nông thôn. Bần nông — chiếm 35% nhân khẩu nông dân — được hoàn toàn miễn thuế. Trong nước xã hội chủ nghĩa, luật lao động bảo vệ chặt chẽ lợi ích của bần nông và công nhân nông nghiệp. Nhà nước chịu phí tổn về việc điều chỉnh ruộng đất cho những nông hộ bần nông và trung nông có lực lượng kinh tế yếu. Nhà nước đã tổ chức các trạm cho thuê máy móc để giúp đỡ trước hết cho bần nông. Nhà nước cho bần nông và trung nông vay tiền, vay giống và thực phẩm với những điều kiện có lợi đối với họ. Giúp đỡ về nông học, cung cấp phân khoáng chất, chống hạn, những công trình thủy lợi lớn v.v... do Nhà nước tổ chức, những việc đó góp một phần quan trọng vào những tiến bộ của kinh tế nông dân. Ngoài ra Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết lại hạn chế và xóa bỏ những yếu tố tư bản chủ nghĩa ở nông thôn bằng cách đánh thuế nặng vào phú nông, giảm tiền cho

thuê ruộng và hạn chế việc thuê nhân công, cấm mua bán ruộng đất.

Mục tiêu căn bản của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn là đưa quần chúng nông dân đến chỗ bỏ con đường chế độ tư hữu cũ mà đi vào con đường mới, xã hội chủ nghĩa, con đường nông trang tập thể, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân dựa trên đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Việc *quốc hữu hóa ruộng đất* ở Liên-xô đã giải phóng người tiểu nông khỏi sự ràng buộc nô lệ đối với mảnh đất nhỏ của họ và do đó làm cho họ dễ chuyển từ kinh tế tiểu nông sang kinh doanh lớn tập thể. Nó tạo những điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức trong nông nghiệp những kinh doanh lớn xã hội chủ nghĩa, những kinh doanh này từ nay về sau không phải bỏ những khoản chi tiêu không sản xuất vào việc mua đất và nộp tô nữa.

Sự phát triển có hệ thống nền *công nghiệp xã hội chủ nghĩa*, then chốt của việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, có tác dụng quyết định đối với việc chuẩn bị cho công cuộc tập thể hóa. Ngay từ những năm đầu công nghiệp hóa, đã tiến hành xây dựng rất nhiều công xưởng sản xuất máy kéo, máy gặt đập và máy móc nông nghiệp tiên tiến khác. Chỉ trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ nhất, nông nghiệp xô viết đã nhận được 16 vạn máy kéo (tính mỗi máy kéo 15 mã lực). Cơ sở công nghiệp cung cấp máy kéo, máy gặt đập và máy nông nghiệp khác cho nông thôn đã được xây dựng như thế

Việc nông dân tham gia đông đảo vào nông trang tập thể đã được chuẩn bị bằng sự phát triển của *hợp tác nông nghiệp*. Bước đầu trong việc hợp tác hóa kinh doanh nông dân là hợp tác về mặt bán nông phẩm và mua chung công nghiệp phẩm, cùng hợp tác về tín dụng. Bên cạnh những hình thức hợp tác nông nghiệp đặc biệt — hợp tác ép dầu, trồng đay hoặc củ cải đường, hợp tác tín dụng, v.v...—, *hợp tác thủ công nghiệp* có ý nghĩa rất quan trọng. Những hình thức hợp tác khác nhau ấy có tác dụng lớn trong việc chuyển từ kinh tế nông dân cá thể sang kinh doanh lớn tập thể. Nó làm cho các tầng lớp nông dân đông đảo quen với việc quản lý tập thể những công việc kinh tế. Trong bước này, sự kết hợp giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa với kinh tế nông dân chủ yếu là sự kết hợp về thương nghiệp, thực hiện bằng cách mở mang mậu dịch quốc doanh và mậu dịch hợp tác xã và bằng cách gạt tư bản tư nhân ra khỏi lĩnh vực lưu thông hàng hóa. Nhờ đó, nông dân thoát khỏi ách bóc lột của nhà buôn và bọn đầu cơ. *Hợp tác xã tiêu thụ* ở nông thôn buôn bán những vật phẩm tiêu dùng cá nhân, đóng vai trò quan trọng về mặt đó.

Trong quan hệ giữa Nhà nước và các hợp tác xã, chế độ *hợp đồng* có ý nghĩa rất quan trọng; đó là hình thức buôn bán có tổ chức và hình thức liên minh kinh tế giản đơn nhất giữa thành thị và nông thôn. Việc buôn bán ấy thực hiện bằng những hợp đồng, căn cứ vào những hợp đồng ấy Nhà nước đặt mua của những người sản xuất tổ chức

thành hợp tác xã và nông dân cá thể một số lượng nông phẩm nhất định, cung cấp cho hợp tác xã giống, công cụ sản xuất và quy định việc áp dụng những phương pháp trồng trọt tốt nhất (gieo thành luống, dùng hạt giống lựa chọn, dứng phân v.v...), mua hàng hóa họ sản xuất ra để đảm bảo cung cấp lương thực cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp. Chế độ đó có lợi cho cả đôi bên và trực tiếp kết hợp hợp tác xã và kinh doanh nông dân cá thể với công nghiệp, không cần môi giới của tư thương.

Giai đoạn cao của hợp tác nông dân là tổ chức kinh doanh tập thể hay nông trang tập thể, đánh dấu bước chuyển sang nền sản xuất lớn xã hội hóa. *Nông trang tập thể* là một tổ chức hợp tác sản xuất dựa trên sự tham gia hoàn toàn tự nguyện của nông dân; nó xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và lao động tập thể, xóa bỏ hiện tượng người bóc lột người.

Những nông trang tập thể đầu tiên, lập ra sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa không bao lâu, có tác dụng quan trọng trong sự chuẩn bị cho việc tập thể hóa toàn bộ. Qua tấm gương thực tế của những nông trang tập thể ấy, nông dân tin chắc rằng hình thức kinh tế tập thể ấy lợi hơn kinh doanh cá thể.

Trước khi tập thể hóa toàn bộ, những *hợp tác xã cày chung* là hình thức nông trang tập thể phổ biến nhất, trong những hợp tác xã này, quyền sử dụng ruộng đất và lao động đều tập thể, nhưng súc vật và nông cụ vẫn thuộc quyền tư hữu của

nông dân. Với việc tập thể hóa toàn bộ, thì những hợp tác xã đó tỏ ra lỗi thời rồi. Một vài vùng tổ chức ra *công xã nông nghiệp*, trong công xã nông nghiệp không những tất cả tư liệu sản xuất mà cả kinh doanh cá nhân của xã viên cũng đều xã hội hóa. Những công xã ấy không sống lâu, vì nó xuất hiện khi kỹ thuật chưa phát triển mấy và khi người ta còn thiếu sản phẩm; trong các công xã ấy, người ta chia đều những sản phẩm tiêu dùng. Chính nông dân đã quyết định biến những công xã ấy thành tổ hợp lao động nông nghiệp.

Hình thức tổ chức chính của nông trang tập thể là *tổ hợp lao động nông nghiệp*. Tổ hợp lao động nông nghiệp dựa trên cơ sở xã hội hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu của nông dân và trên lao động tập thể của họ, nông dân vẫn giữ quyền sở hữu cá nhân về kinh doanh phụ, phạm vi của kinh doanh phụ do điều lệ của tổ hợp lao động nông nghiệp quyết định.

Tác dụng chủ đạo của đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa trong việc tập thể hóa nông nghiệp thực hiện qua các *trạm máy móc và máy kéo*. Đó là những xí nghiệp xã hội chủ nghĩa quốc doanh trong nông nghiệp, tập trung máy kéo, máy gặt đập và những máy nông nghiệp phức tạp khác, phục vụ cho các nông trang tập thể theo hợp đồng. Trạm máy móc và máy kéo là cơ sở công nghiệp của đại nông nghiệp tập thể, nó kết hợp có hiệu quả sáng kiến của quần chúng nông dân tập thể trong việc xây dựng và phát triển kinh doanh tập thể của họ với sự lãnh đạo và giúp đỡ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trạm máy móc và máy kéo là một trong những phương tiện có hiệu quả nhất để thành công trong việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, đồng thời là phương tiện cơ bản để thực hiện *sự liên minh về sản xuất* giữa công nghiệp và nông nghiệp. Với sự liên minh đó, đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa cung cấp cho nông nghiệp máy móc và tư liệu sản xuất khác, trang bị cho nông nghiệp những thiết bị mới và hoàn thiện.

Những xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh lớn, do Nhà nước xã hội chủ nghĩa tổ chức trên một phần ruộng đất trước kia thuộc bọn địa chủ lớn và trên những ruộng đất bỏ không của Nhà nước, đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội. Ở Liên-xô, những doanh nghiệp của Nhà nước (nông trường quốc doanh) đã được lập ra ngay năm đầu của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Nông trường quốc doanh* là một xí nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn trong đó tư liệu sản xuất và sản phẩm đều thuộc về Nhà nước. Chính nông trường quốc doanh đã cung cấp một phần quan trọng thực phẩm và nguyên liệu mà Nhà nước chi phối. Nông trường quốc doanh là kinh doanh xã hội chủ nghĩa với trình độ cơ giới hóa rất cao và năng suất hàng hóa cao, nên nó làm cho nông dân tin tưởng ở tính ưu việt của nền kinh tế lớn xã hội chủ nghĩa, nó giúp cho nông dân máy kéo, cung cấp cho nông dân hạt giống đã lựa chọn và súc vật giống. Nó làm cho bước chuyển của quần chúng nông dân theo chủ nghĩa xã hội, theo tập thể hóa được dễ dàng.

Chế độ nông trang tập thể thành lập với sự giúp đỡ của giai cấp công nhân về mặt tài chính cũng như về mặt tổ chức. Nhà nước xô viết đã chi những khoản tiền lớn vào việc thiết lập các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Trong những năm đầu của phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng, những cán bộ ưu tú nhất của Đảng và hàng vạn công nhân tiên tiến đã được phái về nông thôn, họ đã giúp đỡ rất nhiều cho nông dân trong việc tổ chức kinh doanh tập thể.

Công tác giáo dục chính trị của Đảng Cộng sản cho quần chúng nông dân có tác dụng quan trọng trong việc chuẩn bị tập thể hóa.

Sự chuyển hướng của quần chúng nông dân theo con đường tập thể hóa đòi hỏi một cuộc đấu tranh giai cấp không nhân nhượng với phú nông. Sự phản kháng của phú nông đối với chính sách của chính quyền xô viết ở nông thôn trở nên kịch liệt vào những năm 1927 — 1928, khi nước Xô viết gặp những khó khăn trong việc cung cấp lương thực. Phú nông phá hoại việc thu mua lúa mì, chúng đã có những hành động khủng bố đối với trang viên, cán bộ của Đảng và những người đại diện chính quyền xô viết, chúng đốt nhà cửa của nông trang tập thể và những kho thóc của Nhà nước. Chính sách đấu tranh kiên quyết chống phú nông, để bảo vệ lợi ích cho nông dân lao động, đã đoàn kết chặt chẽ hơn quần chúng bần nông và trung nông xung quanh Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết.

TẬP THỂ HÓA TOÀN BỘ VÀ TIÊU DIỆT PHÚ NÔNG VỀ MẶT GIAI CẤP

Sự chuyển hướng căn bản của nông dân theo nông trang tập thể đã phát sinh ở Liên-xô vào nửa cuối năm 1929. Hồi đó, đã có những điều kiện kinh tế và chính trị để tập thể hóa nông nghiệp. Trung nông, tức là quần chúng nông dân cơ bản, đã đi theo con đường nông trang tập thể. Nông dân tham gia nông trang tập thể không phải từng nhóm lẻ tẻ nữa, mà từng làng, từng huyện. *Tập thể hóa toàn bộ* trong nông thôn xô viết bắt đầu từ đó.

Trước đó, Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết đã thi hành chính sách *hạn chế* và *loại bỏ* những yếu tố tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Nhưng chính sách ấy chưa xóa bỏ cơ sở kinh tế của phú nông, chưa tiêu diệt phú nông về mặt giai cấp. Chính sách ấy rất cần thiết chừng nào chưa có đầy đủ điều kiện để tập thể hóa toàn bộ, chừng nào trong nông thôn chưa có một lưới nông trang tập thể và nông trường quốc doanh rộng rãi, có thể thay thế sản xuất ngũ cốc theo lối tư bản chủ nghĩa bằng sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Năm 1926 — 1927, phú nông sản xuất 617 triệu pút lúa mì, trong số đó chúng chỉ bán 126 triệu pút bằng cách đổi chác ra ngoài nông thôn, còn nông trường quốc doanh và nông trang tập thể thì chỉ sản xuất được 80 triệu pút, trong đó có 37 triệu 80 vạn pút lúa mì — hàng hóa. Năm 1929, tình hình đã căn bản thay đổi, năm đó nông trường quốc doanh và nông trang tập thể sản xuất không dưới 400 triệu pút, trong đó có 130 triệu pút là lúa mì hàng hóa, nghĩa là nhiều hơn số phú nông sản xuất.

Sự chuyển hướng vĩ đại của quần chúng nông dân theo chủ nghĩa xã hội đánh dấu một sự bố trí lại lực lượng giai cấp trong nước, có lợi cho chủ nghĩa xã hội, không lợi cho chủ nghĩa tư bản. Điều đó khiến Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể chuyển từ chính sách cũ, chính sách hạn chế và loại bỏ yếu tố tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, sang chính sách mới, chính sách *tiêu diệt phú nông về mặt giai cấp* trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ.

Bước chuyển sang tập thể hóa toàn bộ đi đôi với cuộc đấu tranh quyết liệt của quần chúng nông dân chống phú nông. Bọn này kịch liệt chống lại việc tập thể hóa. Giai cấp công nhân lãnh đạo quần chúng nông dân tấn công vào thành trì cuối cùng của chủ nghĩa tư bản trong nước để chiến thắng phú nông trong một cuộc đấu tranh công khai trước mắt tất cả nông dân, và để làm cho quần chúng nông dân tin chắc rằng những phần tử tư bản chủ nghĩa là hèn yếu. Với tập thể hóa toàn bộ, từ nay nông trang tập thể có quyền sử dụng tất cả ruộng đất xung quanh làng xóm. Nhưng vì một phần lớn ruộng đất ấy xưa kia thuộc phú nông, nên nông dân tự tổ chức thành nông trang tập thể tước lấy ruộng đất, súc vật và nông cụ của phú nông, nói tóm lại là làm cho chúng không còn là phú nông nữa. Chính quyền xô viết xóa bỏ luật cho thuê ruộng đất và luật thuê nhân công. Như vậy việc tiêu diệt phú nông về mặt giai cấp là một bộ phận khăng khít và cần thiết của việc tập thể hóa toàn bộ.

Việc tập thể hóa triệt để tuân theo những nguyên tắc tổ chức nông trang tập thể của Lê-nin: nông dân hoàn toàn tự nguyện tham gia; cần phải chiếu cố đến đặc điểm kinh tế và trình độ văn hóa của các vùng khác nhau trong nước; không được vượt qua tổ hợp lao động nông nghiệp là hình thức tổ chức chính của nông trang tập thể mà tiến thẳng lên công xã.

Việc tập thể hóa toàn bộ và việc tiêu diệt phú nông về mặt giai cấp trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ,

> « một cuộc cải tạo cách mạng sâu sắc nhất, một bước nhảy từ trạng thái chất lượng cũ của xã hội sang trạng thái chất lượng mới và do những kết quả của nó, mà có ý nghĩa quan trọng như Cách mạng tháng Mười năm 1917 » (1).

Đó là một cuộc cách mạng chấm dứt chế độ kinh tế tư sản cũ, chế độ kinh doanh nông dân cá thể trong nông thôn và lập lên một chế độ mới, chế độ nông trang tập thể, xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm của cuộc cách mạng ấy là nó đã được thực hiện *từ trên xuống* do chính quyền Nhà nước đề xướng, và có sự ủng hộ trực tiếp *từ dưới lên* của hàng triệu nông dân chống ách bóc lột của phú nông, giành đời sống nông trang tập thể tự do.

Cuộc cách mạng ấy đã giải quyết một số vấn đề căn bản trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

---

(1) Lịch sử Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô.

Một là nó đã xóa bỏ giai cấp bóc lột đông nhất trong nước, giai cấp phú nông. Việc tiêu diệt phú nông về mặt giai cấp, trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ, có tác dụng quyết định trong việc xóa bỏ các giai cấp bóc lột. Vấn đề « ai thắng ai » đã được giải quyết có lợi cho chủ nghĩa xã hội không những ở thành thị mà cả ở nông thôn. Những gốc rễ cuối cùng để phục hồi chủ nghĩa tư bản trong nước đã bị tiêu diệt.

Hai là nó đưa giai cấp lao động đông đảo nhất trong nước, giai cấp nông dân, chuyển từ kinh tế cá thể đẻ ra chủ nghĩa tư bản lên kinh tế tập thể, nông trang tập thể, xã hội chủ nghĩa, do đó hoàn thành nhiệm vụ lịch sử khó khăn nhất của cách mạng vô sản.

Ba là nó tạo ra cho chính quyền xô viết một cơ sở xã hội chủ nghĩa trong ngành kinh tế quốc dân rộng lớn nhất, cần thiết nhất cho đời sống nhưng cũng lạc hậu nhất : đó là nông nghiệp ; từ đấy nông nghiệp phát triển trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, cũng như công nghiệp. Thế là đã giải quyết được một trong những mâu thuẫn sâu sắc nhất của thời kỳ quá độ, mâu thuẫn giữa đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa và kinh tế tiểu nông cá thể ; thế là đã xóa bỏ được cơ sở của sự đối lập giữa thành thị và nông thôn.

Trong nông thôn quan hệ sản xuất cũ, tư bản chủ nghĩa và tiểu tư sản kìm hãm lực lượng sản

xuất, được thay thế bằng quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp nhờ đó mà được tự do phát triển.

TỔ HỢP LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, HÌNH THỨC CHÍNH CỦA KINH TẾ TẬP THỂ

Kinh nghiệm tổ chức nông trang tập thể ở Liên-xô đã chứng tỏ rằng trong tất cả những hình thức của nông trang tập thể thì tổ hợp lao động nông nghiệp là hình thức thuận lợi nhất cho sự phát triển của lực lượng sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nó kết hợp đúng đắn nhất quyền lợi cá nhân của trang viên với lợi ích tập thể của một nông trang tập thể, nó làm cho quyền lợi cá nhân trong đời sống hàng ngày thích ứng một cách thuận lợi với quyền lợi tập thể, do đó mà làm cho việc giáo dục tinh thần tập thể cho nông dân cá thể trước kia được dễ dàng. Theo điều lệ của tổ hợp lao động nông nghiệp thì nông cụ, súc vật, hạt giống dự trữ, thức ăn của súc vật tập thể, kiến trúc kinh doanh cần thiết cho sự phát đạt của kinh tế tập thể và tất cả những xí nghiệp chế biến nông phẩm *đều xã hội hóa*. Những ngành sản xuất quan trọng như nghề trồng ngũ cốc và trồng cây công nghiệp cũng hoàn toàn xã hội hóa. Việc chăn nuôi tập thể được tổ chức trong các trại chăn nuôi của nông trang tập thể. Kinh doanh tập thể của những tổ hợp lao động nông nghiệp phát triển đầy đủ còn sản xuất đại quy mô khoai tây và rau, trồng cây ăn quả, trồng nho, v.v...

Những thứ sau đây *không xã hội hóa* và vẫn thuộc quyền *sở hữu cá nhân* của nông hộ trong nông trang tập thể: nhà ở, một số súc vật nhất định, gà vịt, kiến trúc kinh doanh cần thiết để nuôi súc vật riêng của nông hộ, nông cụ nhỏ cần thiết cho kinh doanh phụ của cá nhân. Ban quản trị của tổ hợp lao động có thể cho trang viên thuê một số ngựa trong bầy súc vật chung để sử dụng vào những việc cá nhân. Đại bộ phận thu nhập của trang viên là do kinh doanh tập thể của nông trang tập thể đưa lại và kinh doanh này là nhân tố chủ yếu và quyết định.

Đúng theo điều lệ của tổ hợp lao động nông nghiệp, mỗi nông hộ trong nông trang tập thể *ở những vùng sản xuất ngũ cốc và cây công nghiệp* có quyền sở hữu: 1 bò cái, 2 bê, 1 lợn nái và con nó hoặc 2 lợn nái và con nó nếu ban quản trị nông trang tập thể xét có thể được, và 10 dê và cừu trở xuống; *ở những vùng nông nghiệp mà nghề chăn nuôi phát đạt:* 2 hoặc 3 bò cái và con nó, 2 hoặc 3 lợn nái và con nó, 20 đến 25 dê và cừu; *ở những vùng chăn nuôi không du mục và nửa du mục*, mà *nghề chăn nuôi có tác dụng quyết định:* từ 4 đến 5 bò cái và con nó, 30 đến 40 cừu và dê trở xuống, 2 đến 3 lợn nái và con nó, cùng 1 ngựa hay 1 ngựa cái vắt sữa, hoặc 2 lạc đà, hoặc 2 lừa hoặc 2 la; *ở những vùng chăn nuôi du mục:* từ 8 đến 10 bò cái và con nó, 100 hay 150 dê và cừu trở xuống, 10 ngựa trở xuống, từ 5 đến 8 lạc đà.

Ngoài ra, ở tất cả các vùng, mỗi nông hộ nông trang tập thể có quyền nuôi một số gà vịt và thỏ không hạn chế và có 20 tổ ong trở xuống.

Mỗi nông hộ nông trang tập thể được quyền cá nhân sử dụng, để kinh doanh phụ, một mảnh đất nhỏ gần nhà, trích ở số ruộng đất tập thể hóa ra; mảnh đất ấy có thể từ 1/4 đến một nửa éc-ta, nhưng ở một vài vùng cũng có thể lên đến một éc-ta.

Thời kỳ cải tạo nông nghiệp chấm dứt ở Liên-xô sau khi kế hoạch 5 năm thứ nhất kết thúc. Năm 1932, nông trang tập thể đã tập hợp trên 60% tổng số nông hộ và có trên 75% diện tích gieo giống của nông dân. Nhưng bọn phú nông, bị đánh gục trong cuộc đấu tranh công khai vẫn chưa bị tiêu diệt. Chúng chui vào nông trang tập thể và tìm cách hại ngầm từ bên trong bằng nhiều mánh khóe phá hoại. Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết quy định nhiệm vụ chủ yếu của việc xây dựng nông trang tập thể là *củng cố nông trang tập thể về mặt tổ chức kinh tế*; nói một cách khác là phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong nông trang tập thể, quét sạch những phần tử phú nông chui vào trong đó, bảo vệ tài sản tập thể xã hội chủ nghĩa, cải tiến tổ chức và nâng cao kỷ luật lao động tập thể.

Thắng lợi của chế độ nông trang tập thể là kết quả một cuộc đấu tranh kiên quyết chống các giai cấp bóc lột và tay chân của chúng là bọn Tờ-rốt-sky, Bu-kha-rin tìm đủ mọi cách để bảo vệ phú nông; chống lại việc thành lập nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, đòi giải tán và thủ tiêu nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Đảng Cộng sản đã phá tan đường lối của bọn Tờ-rốt-sky nhằm bóc lột và tước đoạt nông dân bằng cách nâng cao giá công nghiệp phẩm và đánh thuế nông dân thật nặng, đồng thời Đảng cũng đập tan lý thuyết của Bu-kha-rin, lý thuyết cơ hội hữu khuynh, chủ trương « phú nông nhập một cách hòa bình vào chủ nghĩa xã hội » và chủ trương « buông trôi » trong việc xây dựng kinh tế.

LIÊN-XÔ TỪ MỘT NƯỚC KINH DOANH TIỂU NÔNG TRƯỚC KIA TRỞ THÀNH MỘT NƯỚC NÔNG NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ CƠ GIỚI HÓA CAO ĐỘ (a)

Cuối kế hoạch 5 năm thứ hai, việc tập thể hóa nông nghiệp đã hoàn thành. Nó là một nhân tố tiến bộ mạnh mẽ, vì nó làm cho toàn quốc chỉ trong vòng mấy năm đã có những kinh doanh tập thể lớn có thể sử dụng tốt nhất kỹ thuật mới, mọi thành tựu của nông học và làm cho trong nước có một nền sản xuất hàng hóa cao hơn; nó mở cho nông dân triển vọng một cuộc đời hạnh phúc luôn luôn được nâng cao.

Ở Liên-xô đã được sáng tạo và thiết lập nền công nghiệp lớn nhất thế giới dưới hình thức một hệ thống bao la những nông trang tập thể, trạm máy móc và máy kéo và nông trường quốc doanh, tạo thành một phương thức sản xuất nông nghiệp mới, xã hội chủ nghĩa.

Khi sắp bước vào tập thể hóa toàn bộ ở Liên-xô có 25 triệu nông hộ, nhưng đến năm 1938 thì có 242.400 nông trang tập thể (không kể nông trang dân đánh cá và dân đi săn). Mỗi nông trang trung bình có 1.534 éc-ta ruộng cày cấy được, trong đó có 485 éc-ta ruộng gieo giống. Ở Mỹ năm 1940 chỉ 1,6% nông hộ có một diện tích 405 éc-ta và hơn nữa.

Chế độ nông trang tập thể đã tỏ ra ưu việt hơn chế độ nông nghiệp tư bản chủ nghĩa và kinh tế tiểu nông, điều đó không ai chối cãi được.

(a) Cơ giới hóa cao độ: dịch theo nguyên bản Nga văn. Bản Pháp văn viết: cơ giới hóa nhất thế giới (*N.D.*).

«Ý nghĩa quan trọng của nông trang tập thể chính ở chỗ nó là cơ sở chủ yếu để dùng máy móc và máy kéo trong nông nghiệp, là cơ sở chủ yếu để cải tạo nông dân, cải tạo tâm lý họ theo tinh thần xã hội chủ nghĩa» (1).

Trong thời gian hai kế hoạch 5 năm đầu tiên, trong nông nghiệp Liên-xô đã diễn ra một cuộc cách mạng kỹ thuật thực sự tạo nên một cơ sở vật chất vững chắc cho chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Đầu kế hoạch 5 năm thứ ba, nông nghiệp Liên-xô đã trở thành nông nghiệp lớn nhất thế giới và cơ giới hóa cao độ.

Trong khi dưới chế độ tư bản, việc dùng máy móc trong nông nghiệp tất nhiên đưa tới sự phá sản của tiểu nông, thì cơ giới hóa nông nghiệp xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lao động tập thể lại giảm nhẹ lao động của nông dân, góp phần nâng cao đời sống hạnh phúc của nông dân.

Năm 1940, nông nghiệp xô viết có 684.000 máy kéo (tính mỗi máy kéo 15 mã lực), 182.000 máy gặt đập và 228.000 xe vận tải. Số trạm máy móc và máy kéo đến ngày 1-6-1930 có 158 trạm, đến cuối năm 1940 lên đến 7.060 trạm. Năm 1940, dùng máy kéo để cày 83% đất hưu canh, 71% đất vụ mùa thu, từ 52 đến 53% công việc gieo giống mùa xuân và mùa thu cũng làm bằng máy kéo, 43% công việc gặt ngũ cốc làm bằng máy gặt đập.

Chế độ nông trang tập thể đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp tăng lên rõ rệt, cho nông nghiệp có năng suất hàng hóa cao, đó là điều quan trọng

---

(1) Sta - lin : « Vấn đề chính sách ruộng đất ở Liên-xô ».

nhất để thỏa mãn nhu cầu trong nước về lương thực và nguyên liệu. Năm 1940, tổng sản lượng nông nghiệp gần gấp đôi mức trước Cách mạng (1913). Trong nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, sản xuất hàng hóa về ngũ cốc năm 1938 đã đạt tới 40% tổng sản lượng, mà năm 1913 chỉ đạt được 26%. Không nên quên rằng trước Cách mạng, năng suất hàng hóa về ngũ cốc của trung nông và bần nông chỉ có 14,7%. Nông trang tập thể và nông trường quốc doanh có đủ khả năng để nâng cao sản xuất không ngừng. Nó không lo nạn khủng hoảng tiêu thụ, vì đi đôi với đời sống no ấm được nâng cao không ngừng của nhân dân, nhu cầu về nông phẩm cũng luôn luôn tăng thêm.

Thắng lợi của chế độ nông trang tập thể đã mở ra cho nông dân xô viết con đường sung túc và có văn hóa. Chế độ nông trang tập thể đã xóa bỏ khả năng phân hóa trong nông dân, xóa bỏ cảnh nghèo khổ trong nông thôn. Hàng triệu nông dân nghèo đã trở nên sung túc sau khi gia nhập nông trang tập thể. Nhờ có nông trang tập thể, ở nông thôn không còn những nông hộ không có ngựa, không có bò cái, không có nông cụ. Chỉ tính từ năm 1932 đến năm 1937, thu nhập cá nhân của trang viên do kinh tế tập thể của nông trang tập thể và do kinh doanh phụ cá nhân mà có đã tăng thêm 170%.

Thắng lợi của chế độ nông trang tập thể đã thắt chặt khối liên minh anh em giữa công nhân và nông dân. Nông dân nông trang tập thể đã trở

thành chỗ dựa vững chắc cho chính quyền xô viết ở nông thôn. Từ nay, không những giai cấp công nhân mà cả nông dân cũng đều xây dựng đời sống trên chế độ sở hữu tập thể, xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Kinh nghiệm tổ chức nông trang tập thể ở Liên-xô giúp rất nhiều cho các nước khác giải quyết vấn đề cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đặc điểm của sự phát triển lịch sử của mỗi nước trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội quyết định những điều kiện đặc biệt cho việc chuẩn bị, cho những hình thức và phương pháp tập thể hóa nông nghiệp của nước ấy. Do đó, khác với ở Liên-xô mà toàn bộ ruộng đất đều quốc hữu hóa, ở các nước dân chủ nhân dân, chế độ tư hữu về ruộng đất vẫn tồn tại trong một thời gian nhất định, khi tập hợp các nông hộ thành hợp tác xã. Do đó mà có những hình thức đặc biệt về tổ chức và hoạt động của những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Ở các nước ấy, chiếm ưu thế là những hợp tác xã sản xuất trong đó thu nhập không những phân phối theo tỷ lệ số lượng và chất lượng lao động, mà còn phân phối theo diện tích ruộng đất góp vào hợp tác xã, ruộng đất này vẫn là sở hữu cá nhân của nông dân xã viên. Những hợp tác xã đó là một hình thức kinh doanh nông nghiệp thấp hơn tổ hợp lao động nông nghiệp trong đó thu nhập của trang viên dưới danh nghĩa kinh doanh tập thể, hoàn toàn do lao động của họ quyết định.

Nhưng mặc dù đặc điểm của những điều kiện, hình thức và phương pháp cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội trong mỗi nước có ý nghĩa quan trọng như thế nào, nguyên lý cơ bản của kế hoạch hợp tác xã của Lê-nin đã được kinh nghiệm tổ chức nông trang tập thể ở Liên-xô chứng thực, vẫn có giá trị đối với tất cả các nước tiến hành việc cải tạo đó.

TÓM TẮT

1) Tập thể hóa nông nghiệp là một điều kiện cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bản chất việc tập thể hóa nông nghiệp là ở chỗ liên hợp dần từng bước các nông hộ thành hợp tác xã sản xuất và trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện. Tập thể hóa nông nghiệp có nghĩa là chuyển từ kinh tế nhỏ tư hữu cá thể, lạc hậu lên kinh tế lớn xã hội chủ nghĩa, thiết bị bằng máy móc tiên tiến. Nó phù hợp với lợi ích thiết thân của nông dân và toàn thể những người lao động.

2) Những điều kiện căn bản của tập thể hóa toàn bộ là: công nghiệp hóa nước nhà theo chủ nghĩa xã hội, phát triển hợp tác nông nghiệp, kinh nghiệm của những nông trang tập thể và những xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh đầu tiên chỉ cho nông dân thấy tính ưu việt của kinh doanh lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng các trạm máy móc nông nghiệp và máy kéo, kiên quyết đấu tranh với phú nông.

3) Việc tập thể hóa toàn bộ và việc tiêu diệt giai cấp phú nông về mặt giai cấp trên cơ sở tập

thể hóa toàn bộ, thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước xô viết, là một cuộc cải tạo cách mạng sâu sắc nhất; nó đánh dấu bước chuyển từ một chế độ kinh tế tư sản tức là chế độ kinh doanh nông dân cá thể, sang một chế độ mới, chế độ nông trang tập thể, xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó đã xóa bỏ giai cấp bóc lột đông nhất là giai cấp phú nông và đưa giai cấp lao động đông nhất là giai cấp nông dân từ con đường phát triển tư bản chủ nghĩa lên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa; nó đã tạo ra cho Nhà nước xô viết một cơ sở xã hội chủ nghĩa chắc chắn trong nông nghiệp.

4) Thắng lợi của chế độ nông trang tập thể đã biến Liên-xô từ một nước kinh tế tiểu nông trước kia thành một nước nông nghiệp lớn nhất thế giới và cơ giới hóa cao độ. Nó mở đường phát triển tự do cho lực lượng sản xuất nông nghiệp. Nông dân xô viết vĩnh viễn được giải phóng khỏi ách bóc lột; cảnh nghèo khổ trong nông thôn đã bị tiêu diệt, các điều kiện để nâng cao không ngừng mức sống vật chất và văn hóa của nông dân nông trang tập thể được tạo ra; khối liên minh anh em giữa công nhân nông dân được củng cố.

HẾT

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ
TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
SANG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

IN TẠI XƯỞNG IN TIẾN-BỘ
175, NGUYỄN-THÁI-HỌC — HÀ-NỘI
KHỔ 13 x 19 XONG NGÀY 10-6-1957
SỐ XUẤT BẢN 406 — SỐ IN 964
NỘP LƯU CHIỂU THÁNG 6-1957

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

ĐÃ XUẤT BẢN :

— **Khôi phục kinh tế và thành phần kinh tế của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.**

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

Giá : 500 đ

★

— **Những vấn đề căn bản kế hoạch hóa kinh tế quốc dân.**

LÝ DUẬT-HẰNG

Giá : 900 đ

★

— **Mười năm xây dựng kinh tế của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.**

NGHIÊM-XUÂN-YÊM
TRẦN-ĐĂNG-KHOA
PHAN-ANH — LÊ-VĂN-HIÊN
LÊ-DUNG — LÊ-VIẾT-LƯỢNG

Giá : 650 đ

HIỆU SÁCH NHÂN DÂN PHÁT HÀNH

Loại C1/B

Giá : 750 đ